

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

---

PHẠM THỊ HÀ CHÂU

**TỘI CƯỚP TÀI SẢN THEO PHÁP LUẬT  
HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**HÀ NỘI, năm 2016**

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

---

**PHẠM THỊ HÀ CHÂU**

**TỘI CƯỚP TÀI SẢN THEO PHÁP LUẬT  
HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**Chuyên ngành : Luật Hình sự và Tố tụng hình sự**

**Mã số : 60.38.01.04**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:**

**PGS.TS. CAO THỊ OANH**

**HÀ NỘI, năm 2016**

## LỜI CẢM ƠN

Tôi xin chân thành cảm ơn Học viện Khoa học xã hội đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho tôi hoàn thành khóa học.

Tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến thầy giáo PGS.TS. Cao Thị Oanh đã nhiệt tình, tận tụy hướng dẫn tôi hoàn thành luận văn này.

Tôi cũng xin bày tỏ lòng biết ơn đến cơ quan, thầy cô, đồng nghiệp, gia đình, bạn bè đã hỗ trợ, động viên, chia sẻ, giúp đỡ tôi trong quá trình học tập và hoàn thành luận văn này.

**Phạm Thị Hà Châu**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

**Học viên thực hiện**

**Phạm Thị Hà Châu**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TỘI CƯỚP TÀI SẢN THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM.....</b>	<b>7</b>
1.1. Lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam về tội cướp tài sản .....	7
1.2. Khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của tội cướp tài sản .....	13
1.3. So sánh tội cướp tài với một số tội khác .....	30
Kết luận chương 1 .....	33
<b>CHƯƠNG 2. ÁP DỤNG QUY ĐỊNH VỀ TỘI CƯỚP TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI .....</b>	<b>34</b>
2.1. Thực tiễn định tội danh tội cướp tài sản tại tỉnh Quảng Ngãi .....	34
2.2. Thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội cướp tài sản tại tỉnh Quảng Ngãi .....	51
2.3. Những hạn chế, nguyên nhân vi phạm, sai sót trong áp dụng quy định đối với tội cướp tài sản .....	63
Kết luận chương 2 .....	65
<b>CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG QUY ĐỊNH VỀ TỘI CƯỚP TÀI SẢN.....</b>	<b>66</b>
3.1. Sự cần thiết của việc nâng cao hiệu quả áp dụng quy định về tội cướp tài sản .....	66
3.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định về tội cướp tài sản ..	68
Kết luận chương 3 .....	74
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>75</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	

## **CÁC DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT**

<b>BLDS</b>	: Bộ luật dân sự
<b>BLHS</b>	: Bộ luật hình sự
<b>BLTTHS</b>	: Bộ luật tố tụng hình sự
<b>CTTP</b>	: Cấu thành tội phạm
<b>HĐXX</b>	: Hội đồng xét xử
<b>TNHS</b>	: Trách nhiệm hình sự
<b>TAND</b>	: Tòa án nhân dân
<b>VKSND</b>	: Viện kiểm sát nhân dân
<b>XHCN</b>	: Xã hội chủ nghĩa

## DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU

<b>Số hiệu bảng</b>	<b>Tên bảng</b>	<b>Trang</b>
2.1.	Cơ cấu tội phạm đã bị xét xử từ năm 2011 đến 2015	36
2.2.	Tỷ lệ (%) các loại tội phạm đã bị xét xử từ năm 2011 đến năm 2015	36
2.3.	Cơ cấu tội cướp tài sản trong nhóm tội xâm phạm sở hữu	37
2.4.	Tỷ lệ (%) của tội cướp tài sản và số bị cáo qua các năm	38
2.5.	Diễn biến tình hình tội phạm của tội cướp tài sản (theo số vụ và số bị cáo) từ năm 2011 đến năm 2015	39

# MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong quá trình xây dựng đất nước, với đường lối đổi mới và phát triển đất nước theo mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã đem lại sự phát triển mạnh mẽ cho nền sản xuất xã hội. Bên cạnh mặt tốt, thì cơ chế kinh tế nhiều thành phần cũng đang làm nảy sinh không ít những vấn đề phức tạp mới, đã và đang tác động trực tiếp đến mọi mặt của đời sống xã hội nhất là đảm bảo quyền sở hữu của nhân dân, vì vậy Nhà nước ta có nhiệm vụ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp quyền sở hữu của nhân dân. Tại điều 32 Hiến pháp năm 2013 đã quy định rõ: *“1. Mọi người có quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, phần vốn góp trong doanh nghiệp hoặc trong các tổ chức kinh tế khác. 2. Quyền sở hữu tư nhân và quyền thừa kế được pháp luật bảo hộ. 3. Trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, tình trạng khẩn cấp, phòng, chống thiên tai, Nhà nước trưng mua hoặc trưng dụng có bồi thường tài sản của tổ chức, cá nhân theo giá thị trường.”*. Quyền sở hữu đối với tài sản là quyền quan trọng được pháp luật bảo vệ. Chế độ sở hữu là một trong những vấn đề quan trọng được Nhà nước bảo vệ bằng pháp luật trong đó có biện pháp pháp luật hình sự thể hiện kiên quyết ý chí quyền lực Nhà nước trong việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật đối với chế độ sở hữu. Trong số các tội xâm phạm sở hữu, tội cướp tài sản là tội xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu đối với tài sản của người khác ngoài ra còn xâm phạm hoặc đe dọa xâm phạm vào tính mạng, sức khỏe của công dân, tội phạm này xảy ra khá phổ biến. Đối tượng thực hiện loại tội này thường là bộ phận thanh thiếu niên hư thiếu sự rèn luyện tu dưỡng, suy thoái về đạo đức, học đòi lối sống thực dụng, coi thường pháp luật. Loại tội phạm nguy hiểm này đã gây ra tâm lý hoang mang lo lắng trong cộng đồng dân cư.

Cũng như các loại tội phạm khác, tội cướp tài sản chỉ xảy ra khi hội đủ hai yếu tố: nguyên nhân và điều kiện. Trong điều kiện nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị



trường ở nước ta, các nguyên nhân và điều kiện của tội cướp tài sản rất đa dạng và phong phú.

Hòa nhập vào công cuộc xây dựng đất nước hiện đại hóa- công nghiệp hóa, Quảng Ngãi cũng đang trong quá trình phát triển và đã và đang đạt được nhiều thành tựu to lớn nhất là ngày càng có nhiều khu công nghiệp được xây dựng như; khu kinh tế Dung Quất đã hình thành và phát triển trong đó Nhà máy lọc hóa dầu Bình Sơn đã đi vào hoạt động ổn định, Khu Công nghiệp Tịnh Phong (Huyện Sơn Tịnh), khu công nghiệp Quảng Phú (Thành phố Quảng Ngãi), khu công nghiệp Phổ Phong (Huyện Đức Phổ); đặc biệt, khu phức hợp công nghiệp- đô thị và dịch vụ VSIP tại huyện Sơn Tịnh đã và đang đi vào hoạt động thu hút nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia ... từ đó đã tạo nhiều công ăn việc làm cho lao động tại địa phương và lao động ngoại tỉnh lân cận. Từ những thành tựu đã đạt được trong nền kinh tế của Quảng Ngãi, nó trở thành nguyên nhân và điều kiện cho tội phạm phát sinh, phát triển nhất là nạn cướp, trộm cắp, cướp giật, tệ nạn mại dâm và ma túy .... dẫn đến các loại tội phạm gia tăng, đặc biệt là tội cướp tài sản.

Trước hết nền kinh tế thị trường bên cạnh mặt tích cực cũng bao hàm mặt trái, mặt tiêu cực đó là nạn thất nghiệp, sự phát triển mất cân đối giữa khu vực thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi, sự phân hóa giàu nghèo ... Đặc biệt, ở nước ta phần lớn dân cư sống ở nông thôn, đời sống còn nhiều khó khăn đã tạo nên một tầng lớp sống phiêu bạt, khó kiểm soát là môi trường tạo ra các tội phạm. Bên cạnh đó công tác quản lý Nhà nước về trật tự an toàn xã hội còn lỏng lẻo, kém hiệu quả trong tổ chức, điều hành cũng là một nguyên nhân làm cho tình hình tội cướp tài sản chưa có chiều hướng giảm bớt, ngược lại còn diễn biến phức tạp và nghiêm trọng hơn.

Trước tình hình trên, các cơ quan bảo vệ pháp luật của tỉnh Quảng Ngãi đã áp dụng các biện pháp có hiệu quả trong đấu tranh, phòng, chống tội phạm nói chung, tội cướp tài sản nói riêng; xử lý kịp thời, nghiêm minh mọi hành vi phạm tội và người phạm tội. TAND tỉnh Quảng Ngãi đã xử phạt nghiêm khắc đối với tội cướp tài sản, có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm, bên cạnh đó cũng đưa ra đề xuất

các giải pháp nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng chống loại tội phạm này tại địa phương là một yêu cầu bức thiết và mang tính thời sự cao. Chính vì vậy, tôi chọn đề tài: *“Tội cướp tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi”* làm luận văn tốt nghiệp Cao học chuyên ngành Luật Hình sự - Tố tụng hình sự.

## **2. Tình hình nghiên cứu**

Trong thời gian qua, việc nghiên cứu tình hình tội cướp tài sản và các biện pháp đấu tranh phòng chống loại tội này đã được nhiều tác giả nghiên cứu, đồng thời các cấp, các ngành cũng dành sự quan tâm nhiều đến loại tội này, nên có nhiều công trình nghiên cứu. Cho đến nay đã có một số công trình nghiên cứu về loại tội phạm này dưới những phạm vi và góc độ khác nhau như: Luận án tiến sĩ với đề tài *“Đấu tranh phòng chống tội cướp tài sản trên địa bàn Hà Nội”* của tác giả Đỗ Kim Tuyền. *“Đặc điểm hình sự của tội phạm giết người cướp tài sản”*, Luận văn thạc sĩ của Hoàng Long (Trường Đại học Cảnh sát nhân dân, năm 1997). Ngoài ra, phải kể đến Giáo trình luật hình sự của Trường đại học luật Hà Nội, Trường đại học Quốc gia Hà Nội, Bình luận khoa học Bộ luật hình sự phân các tội phạm của Đinh Văn Quế; Bên cạnh đó, các tác giả khác như: GS.TS. Võ Khánh Vinh với *“Luật hình sự Việt Nam phân các tội phạm”* do NXB Khoa học xã hội xuất bản năm 2014; GS. TS. Nguyễn Ngọc Hòa với *“Giáo trình luật hình sự Việt Nam”* tập 2, do NXB Công an nhân dân xuất bản năm 2006; TS. Đinh Văn Quế có công trình là cuốn *“Bình luận khoa học BLHS (bình luận chuyên sâu)”* phân các tội phạm tập I, do NXB thành phố Hồ Chí Minh xuất bản năm 2002; TS. Trần Văn Luyện, TS. Phùng Thế Vắc có công trình *“Bình luận khoa học BLHS năm 1999”* phân các tội phạm, do NXB chính trị quốc gia xuất bản; trong đó, có đề cập đến tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. TS. Phạm Văn Beo với *“Luật hình sự Việt Nam”* phân tích rõ các dấu hiệu pháp lý và hình phạt của loại tội này.

Một số bài viết trong các tạp chí Tòa án, Luật học, Kiểm sát ... Tội cướp tài sản nằm trong nhóm các tội xâm phạm sở hữu trong Bộ luật hình sự. Những bài viết, công trình liên quan đến nhóm các tội xâm phạm sở hữu cũng được nhiều tác giả đề cập như Luận án thạc sĩ Luật học với đề tài: *“Trách nhiệm hình sự đối với*

*những người xâm phạm sở hữu”* của tác giả Nguyễn Ngọc Chí. Luận án Tiến sĩ Luật học của Lương Văn Thức với đề tài: *“Các tội xâm phạm sở hữu trong Luật Hình sự Việt Nam”*. Các bài viết trong các tạp chí chuyên ngành như bài *“Các tội xâm phạm sở hữu trong luật hình sự Việt Nam”* của tác giả Trương Quang Vinh (Tạp chí Luật học số 4/2000), bài *“Đối tượng của các tội xâm phạm sở hữu”* của Nguyễn Ngọc Chí đăng trên tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 2/1998, bài *“Những điểm mới của chương các tội xâm phạm sở hữu trong Bộ Luật Hình sự năm 1999”* của Trương Bằng Lượng (Tạp chí khoa học pháp lý số 2/2000)...

Tất cả các công trình nghiên cứu này đã có những đóng góp nhất định về mặt lý luận và thực tiễn trong việc khái quát tình hình tội phạm của tội cướp tài sản, đưa ra một số giải pháp đấu tranh phòng chống loại tội phạm này nói chung. Chính vì vậy, việc nghiên cứu vấn đề này nhằm phân tích đánh giá tình hình tội phạm tội cướp tài sản với những nét riêng đặc thù xảy ra tại tỉnh Quảng Ngãi, qua đó đưa ra những biện pháp đấu tranh phòng chống có hiệu quả nhất, nhằm góp phần làm giảm loại tội này trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

**3.1. Mục đích của việc nghiên cứu:** Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự và tình hình của tội cướp tài sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi để làm sáng tỏ về mặt lý luận một cách toàn diện về tội cướp tài sản, để từ đó đóng góp về mặt khoa học để giải quyết những vướng mắc trong thực tiễn xây dựng và áp dụng pháp luật về tội cướp tài sản, nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này tại địa bàn tỉnh Quảng Ngãi nói riêng và của cả nước nói chung.

### **3.2. Nhiệm vụ**

Để đạt được mục đích trên, trong quá trình thực hiện đề tài tác giả đặt ra cho mình các nhiệm vụ sau đây:

a. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật hình sự Việt Nam về tội cướp tài sản, phân tích các dấu hiệu pháp lý hình sự của tội “Cướp tài sản”

theo điều 133 BLHS năm 1999, phân biệt tội cướp tài sản với một số tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt khác.

b. Trình bày những vấn đề lý luận về định tội danh, quyết định hình phạt và đánh giá hoạt động định tội danh, quyết định hình phạt đối với tội cướp tài sản từ thực tiễn của tỉnh Quảng Ngãi từ năm 2011 đến năm 2015.

c. Trình bày giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng quy định về tội cướp tài sản.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

4.1. *Đối tượng nghiên cứu:* Luận văn lấy các quan điểm khoa học, các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam, thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt tại tỉnh Quảng Ngãi từ năm 2011 đến năm 2015 để nghiên cứu các nội dung thuộc đề tài được giao thực hiện.

4.2. *Phạm vi nghiên cứu:* Đề tài được nghiên cứu dưới góc độ luật hình sự và lý luận định tội danh. Những số liệu được thu thập từ năm 2011 đến năm 2015 tại tỉnh Quảng Ngãi.

#### **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

##### *5.1. Phương pháp luận*

Đề tài được nghiên cứu trên cơ sở lý luận và phương pháp luận Mác- Lênin tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối, chính sách của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Việc nghiên cứu còn dựa trên cơ sở lý luận khoa học của các lĩnh vực có liên quan như khoa học luật hình sự, luật tố tụng hình sự,...

##### *5.2. Phương pháp nghiên cứu*

Quá trình nghiên cứu thực hiện đề tài còn vận dụng một số phương pháp cụ thể sau đây:

- Phương pháp khảo sát, thu thập số liệu, tài liệu.
- Phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, thống kê ... để giải quyết nhiệm vụ mà luận văn đã đề ra.

#### **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

##### *6.1. Ý nghĩa lý luận của luận văn*

- Góp phần hoàn thiện pháp luật hình sự và qua đó nâng cao hiệu quả đấu

tranh phòng, chống tội cướp tài sản ở Việt Nam nói chung và tỉnh Quảng Ngãi nói riêng; Nâng cao hiệu quả việc áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử loại tội này.

- Kết quả nghiên cứu của luận văn có thể được dùng để tham khảo và vận dụng xây dựng các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng, chống tội cướp tài sản trong hoạt động xét xử của ngành TAND tại Việt Nam.

### *6.2. Thực tiễn của luận văn*

Luận văn nêu ra thực tiễn xét xử và những hạn chế, thiếu sót, vướng mắc trong thực tiễn xét xử tội cướp tài sản ở tỉnh Quảng Ngãi từ năm 2011- 2015, chỉ ra những nguyên nhân và đề xuất các giải pháp khắc phục nhằm hạn chế việc xét xử oan sai, bỏ lọt tội phạm, góp phần hoàn thiện lý luận quy định pháp luật hình sự.

## **7. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, bộ cục của luận văn được chia làm 3 chương:

*Chương 1. Những vấn đề lý luận về tội cướp tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam.*

*Chương 2. Áp dụng quy định về tội cướp tài sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.*

*Chương 3. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định về tội cướp tài sản.*

# CHƯƠNG 1

## NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TỘI CƯỚP TÀI SẢN THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

### **1.1. Lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam về tội cướp tài sản**

Trải qua lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, dân tộc ta đã đạt nhiều thành tựu quan trọng trong việc xây dựng và hoàn thiện một Nhà nước độc lập, tự chủ vững mạnh, để lại cho các thế hệ sau nhiều di sản quý báu về kinh nghiệm quản lý và điều hành đất nước qua các bước thăng trầm của lịch sử dân tộc. Một trong những di sản quý báu đó là thành quả to lớn, đầy tính sáng tạo trong việc xây dựng nền pháp luật độc lập, tự chủ phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của mỗi giai đoạn lịch sử. Trong đó, những thành tựu và kinh nghiệm về lập pháp hình sự có vị trí trọng yếu. Với tư cách là công cụ có hiệu quả trong công cuộc bảo vệ và duy trì Nhà nước độc lập, tự chủ trước thế lực xâm lược tiềm tàng của bên ngoài và bảo đảm quản lý có hiệu quả của Nhà nước trong quá trình xây dựng đất nước, các Nhà nước Việt Nam trải qua các triều đại lịch sử đã luôn quan tâm ban hành các quy định pháp luật hình sự và luôn thể hiện đậm nét bản sắc dân tộc trong di sản văn hóa quý báu đó. Vì vậy, tội cướp tài sản là một trong những tội phạm xuất hiện từ rất sớm và khá phổ biến. Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, Nhà nước Việt Nam kiểu mới được hình thành, đánh dấu mốc quan trọng trong lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam. Trải qua trên năm thập kỷ xây dựng, Nhà nước ta đã đạt được những thành tựu quan trọng trong việc xây dựng những văn bản pháp luật về hình sự, nổi bật nhất là đã kế thừa và phát huy vốn di sản lập pháp của cha ông để lại, bên cạnh nhiều nguyên tắc tiến bộ, dân chủ xã hội chủ nghĩa được ghi nhận trong pháp luật Việt Nam nói chung, pháp luật hình sự Việt Nam nói riêng... Ở nước ta cho đến thời điểm này, khi Nhà nước ban hành BLHS lần hai- BLHS năm 1999 thay thế cho BLHS năm 1985 và gần đây nhất là BLHS 2015 chuẩn bị có hiệu lực nhưng vẫn chưa có một điều luật nào quy định về khái niệm các tội phạm sở hữu [54, tr.161]. Chính vì vậy, việc nghiên cứu và tìm hiểu lịch sử lập pháp hình sự là

một trong những vấn đề cần thiết, nhằm góp phần kế thừa và phát huy có hiệu quả kinh nghiệm quý báu của cha ông ta trong việc tìm ra giải pháp khả thi trước yêu cầu và thách thức trong tình hình mới.

### ***1.1.1. Giai đoạn trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985***

Cuộc cách mạng tháng Tám 1945 đã giành lại chủ quyền cho đất nước, tự do cho nhân dân và lập ra nền dân chủ cộng hòa. Sau thắng lợi đó, Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản pháp luật hình sự để bảo vệ thành quả cách mạng. Một trong những nội dung được đặc biệt coi trọng là chế độ sở hữu - nền tảng kinh tế xã hội của đất nước. Các qui định của pháp luật đã phản ánh tương đối rõ nét các đặc điểm kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội cũng như kỹ thuật lập pháp của nước ta trong một giai đoạn lịch sử, đặc biệt thể hiện rõ chính sách hình sự của Nhà nước ta đối với các hành vi xâm phạm sở hữu. Trong đó, để giải quyết các vụ án hình sự nhà nước đã ban hành các sắc lệnh, pháp lệnh nhằm đáp ứng yêu cầu giữ vững chính quyền nhân dân Nhà nước đã ban hành sắc lệnh số 47-SL ngày 10-10-1946 tạm thời giữ lại các luật lệ tại miền Bắc, Trung, Nam bộ cho đến khi ban hành các văn bản pháp luật thống nhất trong toàn quốc. Để bảo vệ chính quyền mới, sắc lệnh số 47 [32] quy định “*Những điều khoản trong các luật lệ cũ được tạm thời giữ lại do sắc lệnh này chỉ được thi hành khi nào không trái với nguyên tắc độc lập của Nhà nước Việt Nam và chính thể dân chủ cộng hòa*”. Sắc lệnh này được ban hành đã hạn chế đến mức thấp nhất sự xáo trộn trong đời sống xã hội của nhân dân, góp phần ổn định trật tự xã hội.

Ngoài ra, nhà nước ta còn chú trọng giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong kháng chiến. Các hành vi cướp bóc, những nhiễu dân chúng trong khi có chiến sự đều bị Tòa án binh xử nặng như các tội gián điệp, phản quốc và có thể bị tuyên án đến tử hình. Trong đó có Bộ “Luật hình An Nam”, Bộ “Hoàng Việt hình luật”, và Bộ “Hình luật pháp tu chính” với điều kiện “không trái với nguyên tắc độc lập của nước Việt Nam và chính thể dân chủ cộng hòa”. Bên cạnh việc đấu tranh chống thực dân Pháp cùng bọn tay sai phản động thì việc giữ gìn trật tự an toàn xã hội hết sức được coi trọng. Các hành vi cướp bóc, những nhiễu dân chúng đều bị tòa án

binh xử nặng. Sắc lệnh số 73-SL ngày 17-8-1947 và Sắc lệnh số 12-SL ngày 12-3-1949 quy định trừng trị rất nặng tội trộm cắp vật, tội trộm cắp tài sản của nhà binh. Trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền bắc, việc trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa được quan tâm với việc thông qua Pháp lệnh số 149-LCT này vào ngày 21-10-1970. Trong pháp lệnh này, 16 tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa đã được quy định cụ thể với tiêu đề tội danh cụ thể. Đặc biệt pháp lệnh đã phân biệt ba tội: tội cướp tài sản xã hội chủ nghĩa, tội cướp giết tài sản xã hội chủ nghĩa, tội cưỡng đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa. Đồng thời với việc ban hành Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, ngày 21-10-1970, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã thông qua Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản của công dân. Đến năm 1975, Miền Nam được hoàn toàn giải phóng, nước nhà được thống nhất, dưới sự lãnh đạo của Đảng, cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Thời kỳ này, đất nước tạm thời tồn tại hai Nhà nước: Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và Nhà nước Cộng hòa miền nam Việt Nam; mỗi Nhà nước có pháp luật riêng. Tuy nhiên, thời kỳ này vẫn chưa có Bộ luật hình sự chính thức, mà được điều chỉnh bởi các văn bản quy phạm pháp luật hình sự (Sắc luật số 03- SL/76 ngày 15-3-1976 do nhà nước Cộng hòa miền nam Việt Nam ban hành quy định các tội phạm và hình phạt. Trong đó có tội xâm phạm tài sản công cộng và tội xâm phạm tài sản riêng của công dân) .

### ***1.1.2. Giai đoạn Bộ luật hình sự năm 1985 có hiệu lực thi hành***

Tuy nhiên với việc các văn bản quy phạm pháp luật hình sự đơn hành không thể hiện được toàn diện, đầy đủ chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta. Chính vì vậy, việc ban hành BLHS là tất yếu khách quan và cấp thiết, có ý nghĩa góp phần thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đáp ứng yêu cầu đó, ngày 27/06/1985, tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VII, đã thông qua BLHS, có hiệu lực từ ngày 1/1/1986 (gọi tắt là BLHS Việt Nam 1985) gồm hai phần (Phần chung và Phần các tội phạm), tổng cộng 20 chương với 280 điều. BLHS 1985 đã kế thừa và phát triển những thành tựu của luật hình sự Việt Nam, nhất là từ Cách mạng



tháng Tám, tổng kết kinh nghiệm đấu tranh phòng, chống tội phạm trong thời gian trước năm 1985 và dự báo được tình hình tội phạm trong thời gian tới nói chung và tội cướp tài sản nói riêng. Bởi vì, việc BLHS 1985 ra đời đã chính thức quy định tội cướp tài sản và định nghĩa được loại tội phạm này tại Điều 129 – BLHS 1985 về “Các tội xâm phạm sở hữu xã hội chủ nghĩa”. Đã định nghĩa tội cướp tài sản như sau: “Tội cướp tài sản xã hội chủ nghĩa” - Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng ngay tức khắc vũ lực hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa, thì bị phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm. Như vậy, BLHS 1985 đã chính thức ghi nhận tội cướp tài sản, xác định được các dấu hiệu pháp lý của loại tội phạm này, bao gồm: mặt khách thể, mặt khách quan, chủ thể, mặt chủ quan và định ra các hình phạt thích đáng cho hành vi phạm tội này. Tuy nhiên, điều luật còn quy định khá chung chung “tài sản xã hội chủ nghĩa”, cần quy định một cách chi tiết và cụ thể hơn về khách thể bị xâm hại mà loại tội phạm này xâm hại đến.

Bên cạnh đó cũng đã phân ra tội cướp tài sản của “Các tội xâm phạm sở hữu xã hội chủ nghĩa” và cướp tài sản của “Các tội xâm phạm sở hữu của công dân” theo Điều 151. Tuy nhiên, vẫn còn những bất cập của BLHS 1985, mặc dù đã nhiều lần chỉnh sửa bổ sung (4 lần chỉnh sửa bổ sung), nhưng BLHS 1985 vẫn còn rất nhiều hạn chế: vừa phải chịu ảnh hưởng bởi cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp không phù hợp cho việc bảo vệ các quan hệ phát sinh trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; vừa bị hạn chế về mặt kỹ thuật lập pháp hình sự. Ngoài ra, BLHS 1985 còn có những hạn chế nhất định là việc Bộ luật đã không còn là một chỉnh thể thống nhất sau nhiều lần chỉnh sửa. BLHS năm 1985 chia thành hai nhóm các hành vi xâm phạm sở hữu tài sản gồm: Các hành vi xâm phạm sở hữu tài sản xã hội chủ nghĩa và các hành vi xâm phạm sở hữu tài sản của công dân. Điều này xuất phát từ quan điểm của Đảng và Nhà nước ta trong thời kỳ lịch sử đó, chủ yếu chú trọng đến nền kinh tế quốc doanh, pháp luật ưu tiên bảo vệ tài sản chung xã hội chủ nghĩa.

### ***1.1.3. Giai đoạn Bộ luật hình sự năm 1999 có hiệu lực thi hành***

BLHS năm 1985 ra đời đã đạt được nhiều thành tựu trong kỹ thuật lập pháp hình sự. Tuy nhiên, nó cũng không tránh khỏi những hạn chế nhất định với quan điểm đổi mới về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tài sản của Nhà nước, tập thể và của công dân là được bảo vệ như nhau trước pháp luật. Do vậy, ngày 22/12/1999, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X tại kỳ họp thứ 6, đã thông qua BLHS (sau đây gọi tắt là BLHS 1999), thay thế cho BLHS 1985 và có hiệu lực từ ngày 1-7- 2000. BLHS 1999 ra đời đã thể chế hóa được quan điểm đổi mới của Đảng và Nhà nước ta. Từ đó, các tội xâm phạm sở hữu tài sản được quy định chung trong một chương chứ không tách ra thành hai chương như trong BLHS năm 1985. Bên cạnh đó, BLHS 1999 này có nhiều điểm mới cơ bản, đặc biệt là việc BLHS 1999 đã định nghĩa cụ thể hơn BLHS 1985 về tội cướp tài sản tại Điều 133, thuộc Chương XIV “Các tội xâm phạm sở hữu”- Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm. Nhìn chung, so với BLHS 1985, thì BLHS 1999 đã quy định một cách cụ thể và rõ ràng hơn về khách thể mà loại tội phạm này xâm hại. Như vậy, lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật hình sự Việt Nam đã chính thức quy định tội cướp tài sản từ BLHS 1985 và đã hoàn thiện một cách cụ thể hơn về tội danh này tại BLHS 1999 (một số hành vi là dấu hiệu khách quan của cấu thành tội phạm như: đe dọa dùng ngay tức khắc vũ lực hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được. BLHS 1999 vẫn giữ nội dung này, chỉ hoán vị từ “dùng ngay tức khắc vũ lực” thành “dùng vũ lực ngay tức khắc”)... Mặc dù điều luật còn nhiều hạn chế cần được chỉnh sửa. Song, điều luật đã cơ bản định nghĩa được tội cướp tài sản, xác định được các dấu hiệu của tội phạm này, đồng thời quy định trách nhiệm hình sự đối với loại tội phạm này, các hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội cướp tài sản.

Trước đây tội cướp tài sản xã hội chủ nghĩa sẽ bị xử phạt nặng hơn tội cướp tài sản của công dân nhưng với việc ra đời BLHS mới (BLHS năm 1999) không còn

phân biệt sở hữu xã hội chủ nghĩa hay là sở hữu công dân cho nên bất kể hành vi xâm phạm sở hữu nào cũng đều bị xử phạt như nhau. Nhìn chung, BLHS năm 1999 thì tội phạm và hình phạt được quy định cụ thể hơn, theo Điều 133 BLHS năm 1999 thì tội cướp tài sản được quy định thành 5 khoản (trong khi đó, Điều 129 chỉ có 2 khoản và Điều 151 có 2 khoản của BLHS năm 1985). Như vậy, ta có thể thấy rằng tội cướp tài sản quy định tại điều 133 BLHS 1999 có khung hình phạt nặng hơn tội cướp tài sản công dân và nhẹ hơn tội cướp tài sản xã hội chủ nghĩa quy định trong BLHS năm 1985. Bên cạnh đó, nhà làm luật còn quy định thêm nhiều tình tiết là yếu tố định khung hình phạt mà Điều 129 và Điều 151 BLHS năm 1985 chưa quy định như: Gây thương tích hoặc gây tổn hại đến sức khỏe, giá trị tài sản, mức độ gây hậu quả nguy hiểm, hậu quả rất nguy hiểm, đặc biệt nguy hiểm, hình phạt bổ sung cũng được quy định ngay trong điều luật.

#### ***1.1.4. Theo quy định của Bộ luật hình sự 2015***

Ngày 27/11/2015, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII tại kỳ họp thứ 9, đã thông qua BLHS (sau đây gọi tắt là BLHS 2015) BLHS 2015 ra đời thay thế cho BLHS 1999. BLHS 2015 ra đời đã thể chế hóa được quan điểm đổi mới của Đảng và Nhà nước ta. BLHS 2015 vẫn tiếp tục kế thừa và phát huy những gì mà BLHS 1999 đã quy định trong thời gian vừa qua. Vẫn giữ nguyên hai phần chính là phần chung và phần các tội phạm. Tuy nhiên, BLHS 2015 vẫn có những điểm mới hơn so với BLHS 1999 như quy định thêm trách nhiệm hình sự của pháp nhân, phạm vi trách nhiệm của pháp nhân, đã giảm bớt hình phạt tù hình đối với 7 tội danh trong đó có tội cướp tài sản,...

Tội cướp tài sản theo điều 168 BLHS 2105 cũng có nhiều điểm, khoản được sửa đổi, bổ sung so với điều 133 BLHS 1999. Trước đây, tội cướp tài sản theo điều 133 BLHS 1999 chỉ quy định 5 khoản nhưng đến điều 168 BLHS 2105 đã thêm một khoản trong điều luật chính là người chuẩn bị phạm tội cướp tài sản cũng bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chịu hình phạt tù từ một năm đến năm năm. Ngoài ra, tại khoản 2,3,4 của điều 168 BLHS 2105 cũng đã sửa đổi, bổ sung thêm một số điểm mới như: Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai,

người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ; Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh; Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp.

## **1.2. Khái niệm và các dấu hiệu pháp về tội cướp tài sản**

### ***1.2.1. Khái niệm về tội cướp tài sản***

Bộ Luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành trên cơ sở nhận thức khoa học về tính giai cấp của pháp luật, trong đó có luật pháp Hình sự, về vị trí, vai trò của các biện pháp và phương thức mà xã hội ta có thể sử dụng để đấu tranh chống tội phạm. Trải qua các thời kì lịch sử khác nhau, pháp luật hình sự của Nhà nước không ngừng thay đổi về nội dung và hình thức, về số lượng và chất lượng để phù hợp với tình hình thực tế của xã hội hiện tại. Điều đó nói lên rằng BLHS của nước ta ngày càng hoàn thiện, nó là cơ sở để sử dụng trong đấu tranh và phòng ngừa tội phạm. Việc nhận thức đúng đắn về tội phạm nói chung và tội phạm cụ thể nói riêng sẽ là nền tảng và rất có ý nghĩa đối với quá trình hình thành và đưa ra các biện pháp, giải pháp đấu tranh phòng ngừa các loại tội phạm.

Trong BLHS nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 Tội cướp tài sản là một trong những tội phạm cụ thể được quy định tại Điều 133 (thuộc Chương XIV về các tội xâm phạm sở hữu) và sau này quy định tại điều 168 BLHS 2015 (thuộc Chương XVI về các tội xâm phạm sở hữu). Khi đề cập đến tội phạm cướp tài sản các nhà làm luật đã nhóm Tội cướp tài sản của công dân và Tội cướp tài sản xã hội chủ nghĩa (theo Điều 129 và Điều 151 BLHS năm 1985) thành tội cướp tài sản cho có tính chất khái quát hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác đấu tranh, chống tội phạm của các cơ quan chức năng. Đây là một bước đột phá mới trong công tác xây dựng pháp luật hình sự ở nước ta.

Tội cướp tài sản luôn được các nhà lập pháp xác định là một trong những tội phạm nguy hiểm. Tính nguy hiểm của nó thể hiện ở chỗ nó không chỉ xâm hại đến quyền sở hữu tài sản mà còn xâm phạm quyền nhân thân, quyền được bảo vệ về tính mạng sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người. Đặc biệt hành vi cướp tài sản luôn để lại tâm lý hoang mang, lo lắng trong đời sống xã hội.

Theo Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam của trường Đại học Luật Hà Nội (Nhà xuất bản Công an nhân dân, Năm 2006) thì xác định: “ *Tội cướp tài sản là “dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản”*”.

Điểm nổi bật của tội cướp tài sản là người phạm tội dùng vũ lực hay đe dọa dùng vũ lực hay có hành vi khác làm người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được để chiếm đoạt tài sản mà người bị tấn công biết là mình bị lấy mất tài sản. Trong đó hành vi “dùng vũ lực” là hành vi tác động vào cơ thể của nạn nhân như: đấm, đá, bóp cổ, trói... nhưng phải nhằm mục đích là chiếm đoạt tài sản. Đối với hành vi “đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc” theo Từ điển Luật học NXB TĐBK&NXBTP năm 2006, định nghĩa: “*đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc là hành vi của người cướp tài sản đã sử dụng lời nói hoặc cử chỉ hay hành động đe dọa xâm phạm ngay đến tính mạng, sức khỏe và làm tê liệt ngay ý chí chống cự, phản kháng của người có tài sản*”. Theo đó, đặc điểm của hành vi “đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc” là đe dọa dùng ngay lập tức, tại chỗ sức mạnh vật chất nếu người có tài sản không chịu khuất phục nhằm làm tê liệt ý chí chống cự của họ để lấy tài sản. Đặc điểm này vừa chỉ sự khẩn trương, nhanh chóng có thể xảy ra chớp nhoáng về mặt thời gian, vừa chỉ sự mãnh liệt của sự đe dọa có thể xảy ra ngay lập tức nếu người bị đe dọa có biểu hiện chống cự. Trước sự đe dọa này của người phạm tội, người bị đe dọa sợ hãi và tin rằng sẽ bị nguy hại đến sức khỏe hoặc tính mạng nếu chống cự lại và không thể kêu cứu.

Từ những vấn đề nêu trên, có thể hiểu Tội cướp tài sản trong phạm vi luận văn này như sau:

*Tội cướp tài sản là hành vi của người phạm tội nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác bằng cách dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được.*

Tội cướp tài sản được quy định tại Điều 133 BLHS năm 1999 được cấu thành 5 khoản. Khoản 1 là cấu thành cơ bản có khung hình phạt từ ba năm đến mười năm.

Khoản 2 có khung hình phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm; khoản 3 có khung hình phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm; khoản 4 có khung phạt tù từ mười tám năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình; khoản 5 người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ một năm đến năm năm.

### ***1.2.2. Các dấu hiệu pháp lý của tội cướp tài sản***

#### ***\* Khách thể của tội cướp tài sản***

Khách thể của tội phạm là những quan hệ xã hội được Luật hình sự bảo vệ và bị tội phạm xâm hại. “*Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự*” (Điều 8 BLHS). Tội cướp tài sản thuộc nhóm tội xâm phạm sở hữu, cho nên khách thể của tội cướp tài sản xâm hại đến quan hệ nhân thân và quan hệ sở hữu. Hai quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản là quan hệ xã hội và các quyền này được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Khi người phạm tội cướp tài sản bằng hành vi của mình trước hết là xâm phạm đến thân thể, đến tự do của người khác để qua đó xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người đó thì người phạm tội bị pháp luật hình sự trừng trị bằng chế tài cụ thể.

Do vậy, cả hai quan hệ xã hội bị xâm hại đều được coi là khách thể trực tiếp của tội cướp tài sản. Tính chất đặc biệt nguy hiểm cho xã hội của tội này là ở chỗ nó đã đồng thời xâm hại hai quan hệ xã hội quan trọng đã nêu ở trên. Nếu không xâm phạm đến quan hệ nhân thân thì người phạm tội cướp tài sản không thể xâm phạm đến quan hệ tài sản được.

#### ***\* Mặt khách quan của tội phạm***

Mặt khách quan của tội cướp tài sản “*được thể hiện qua hành vi khách quan của tội phạm là hành vi nhằm làm mất khả năng kháng cự của chủ sở hữu hoặc*

*người quản lý tài sản” [54, tr.165]. Do vậy, khách quan của tội phạm là những biểu hiện bên ngoài, là hành vi phạm tội của tội cướp tài sản bao gồm: dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc, hành vi khác làm cho người tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được. Những hành vi trên nhằm làm mất khả năng kháng cự của chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản từ đó nhằm chiếm đoạt tài sản của người đó.*

+ Hành vi dùng vũ lực được hiểu là hành vi dùng sức mạnh vật chất (có hoặc không có công cụ, phương tiện phạm tội) để tấn công vào ai đó nhằm khống chế, đe dọa hoặc làm tê liệt sự chống cự của người khác chống cự lại việc chiếm đoạt tài sản. Hành vi này trước hết là nhằm vào con người. Những hành vi không nhằm vào con người đều không phải là hành vi dùng vũ lực theo quy định của điều luật. Hành động tấn công mà người phạm tội tác động vào nạn nhân như: đâm, đá, bóp cổ, bắn, chém, nhét giẻ vào miệng, trói... có khả năng phương hại đến tính mạng, sức khỏe của người bị tấn công (Người bị tấn công ở đây có thể là chủ tài sản, là người có trách nhiệm quản lý hay bảo vệ tài sản nhưng cũng có thể là người mà người phạm tội cho rằng người này đã hoặc có khả năng sẽ ngăn cản việc chiếm đoạt của mình) và làm mất khả năng chống cự lại chúng. Hành vi này phải ở mức độ có khả năng đe dọa hoặc làm tê liệt sự chống cự cả về thực tế lẫn ý chí làm cho người bị tấn công không dám kháng cự, người phạm tội làm tê liệt ý chí phản kháng của nạn nhân, tức là làm cho khả năng thực tế của sự chống cự không thể xảy ra như: đâm bị thương nặng nạn nhân, trói nạn nhân... Hoặc nạn nhân có thể chống cự nhưng không đạt kết quả. Nói chung, người phạm tội dùng vũ lực chủ yếu đối với người có trách nhiệm về tài sản. Người bị tấn công ở đây có thể là chủ tài sản, là người có trách nhiệm quản lý hay bảo vệ tài sản nhưng cũng có thể là người mà người phạm tội cho rằng người này đã hoặc có khả năng sẽ ngăn cản việc chiếm đoạt của mình. Người có trách nhiệm về tài sản có thể có mặt tại nơi xảy ra vụ cướp tài sản, nhưng cũng có thể không có mặt ở nơi xảy ra vụ cướp tài sản, thì người phạm tội vẫn bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội cướp tài sản.

Đối với những vụ cướp tài sản có nhiều người cùng tham gia (đồng phạm),

không nhất thiết tất cả những người tham gia đều dùng vũ lực, mà chỉ cần một hoặc một số người dùng vũ lực, còn những người khác có thể không dùng vũ lực hoặc chỉ đe dọa dùng vũ lực, nhưng tất cả những người cùng tham gia đều bị coi là dùng vũ lực.

+ Hành vi đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc: là *“hành vi bằng lời nói, cử chỉ chuyển tải đến người bị hại thông điệp: nếu người đó không giao tài sản hoặc cản trở việc chiếm đoạt tài sản thì hành vi dùng vũ lực để loại trừ khả năng chống cự của người bị hại sẽ được thực hiện ngay (đe dọa đâm, bắn...)”*[54, tr.165]. Như vậy, người phạm tội dùng lời nói hoặc hành động nhằm đe dọa người bị hại, nếu người bị hại không giao tài sản thì họ sẽ bị tấn công ngay tức khắc. Đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc, nghĩa là người phạm tội chưa sử dụng vũ lực, tuy nhiên người bị hại không có thời gian để suy nghĩ và không có lựa chọn nào khác là phải giao tài sản.

*“Cả ba dạng hành vi nói trên của tội cướp tài sản đều có tính nguy hiểm cao cho xã hội, đều chứa đựng khả năng vô hiệu hóa khả năng tự bảo vệ tài sản của chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản”*[54, tr.165]. Mức độ khống chế này phụ thuộc trước hết vào tính chất của sự đe dọa. Nói cách khác, hành vi đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc phải ở mức độ làm tê liệt ý chí phản kháng của người bị đe dọa mới cấu thành tội cướp tài sản. Ngoài ra, dấu hiệu ngay tức khắc ở đây có ý nghĩa quan trọng để phân biệt hành vi đe dọa dùng vũ lực ở tội cướp với hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực ở tội cưỡng đoạt tài sản. Yếu tố ngay tức khắc ở đây được hiểu là ngay lập tức không chần chừ, vũ lực sẽ được thực hiện nếu người bị hại không giao tài sản hoặc không để người phạm tội lấy được tài sản. Dấu hiệu này vừa chỉ sự nhanh chóng về mặt thời gian vừa chỉ sự mãnh liệt của hành vi đe dọa, làm cho người bị đe dọa thấy rằng vũ lực sẽ xảy ra ngay, không hoặc khó có điều kiện để tránh khỏi. Sự đe dọa sẽ làm tê liệt ý chí của người bị đe dọa.

+ Hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được: là những hành vi không phải dùng vũ lực và cũng không phải là đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc nhưng có khả năng như những hành vi đó. Tức là làm



cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được, không thể ngăn cản được việc chiếm đoạt, làm tê liệt ý chí phản kháng hoặc không còn khả năng phản kháng ở nạn nhân nhằm chiếm đoạt tài sản. Do vậy, những hành vi này được coi là cùng tính chất với hành vi dùng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng ngay tức khắc vũ lực và là dấu hiệu khách quan của tội cướp tài sản. Loại hành vi này rất đa dạng trong đời sống xã hội như: dùng thuốc mê, etê, thuốc ngủ, chất kích thích,... làm cho nạn nhân lâm vào trạng thái hôn mê, không còn khả năng chống cự. Để xác định hành vi này, trước hết phải xuất phát từ phía người bị hại phải là người bị tấn công và sự tấn công ở đây là do hành vi khác gây ra không phải là hành vi dùng vũ lực hay đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc.

Do thực tiễn xét xử có nhiều trường hợp người phạm tội không dùng vũ lực mà chỉ dùng những thủ đoạn khác cũng rất nguy hiểm nhằm chiếm đoạt tài sản, nếu chỉ truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội về tội cưỡng đoạt hoặc tội trộm cắp thì không tương xứng với tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, nên BLHS năm 1985 ra đời đã thêm vào một số hành vi là dấu hiệu khách quan của tội cướp tài sản như đe dọa dùng ngay tức khắc vũ lực hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được. Đến BLHS 1999 và mới đây nhất là BLHS 2015 ra đời vẫn giữ nguyên các cấu thành của mặt khách quan của tội cướp tài sản chỉ có thay đổi cụm từ “dùng ngay tức khắc vũ lực” thành “dùng vũ lực ngay tức khắc”. Mục đích của việc dùng vũ lực, đe dọa ngay tức khắc vũ lực hoặc tiến hành các hành vi khác là để chiếm đoạt tài sản. Các hành vi nói trên thường xảy ra trước hoặc cùng thời điểm với hành vi chiếm đoạt tài sản. Khi kẻ tấn công tiến hành một trong các hành vi nói trên tức là đã xâm hại tới nhân thân người bị tấn công, điều đó có nghĩa là đã xâm phạm tới một trong hai khách thể trực tiếp của tội danh này.

Tội cướp tài sản là tội có cấu thành hình thức theo quy định của Điều 133 BLHS. Vì thế, tội phạm được xem là hoàn thành khi người phạm tội có một trong những hành vi vừa phân tích trên và làm cho nạn nhân “lâm vào tình trạng không thể chống cự được” nhằm chiếm đoạt tài sản, bất kể người phạm tội có chiếm được

tài sản hay chưa. Tuy nhiên, ngoài những trường hợp tội cướp tài sản có cấu thành hình thức được thực hiện bằng hành vi dùng vũ lực hoặc hành vi đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc, nhưng đối với trường hợp bằng hành vi khác thì tội cướp tài sản không hẳn là tội phạm có cấu thành hình thức.

+ Hậu quả của tội phạm

Đối với tội cướp tài sản, hậu quả không phải là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm. Hậu quả của tội phạm chỉ là dấu hiệu định khung hình phạt hoặc chỉ là tình tiết để xem xét khi quyết định hình phạt.

Do khách thể của tội cướp tài sản là hai quan hệ xã hội (quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân) nên hậu quả của tội này có thể là thiệt hại về tài sản nhưng cũng có thể là những thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm.

Nếu hậu quả xảy ra là thiệt hại về tính mạng thì cần phân biệt hai trường hợp: Trường hợp người phạm tội giết chết người nhằm chiếm đoạt tài sản thì người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội giết người và tội cướp tài sản, nhưng nếu người phạm tội không có ý định giết người mà chỉ có ý định cướp tài sản nhưng chẳng may người bị hại bị chết thì người phạm tội chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội cướp tài sản với tình tiết làm chết người. Tuy nhiên, nếu sau khi đã cướp tài sản bị đuổi bắt mà người phạm tội giết người để tẩu thoát thì còn bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội giết người.

Nếu hậu quả xảy ra là thiệt hại về sức khỏe thì người phạm tội chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội cướp tài sản với tình tiết tăng nặng là gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nếu người bị hại có tỷ lệ thương tật từ 11% trở lên.

Nếu hậu quả xảy ra là thiệt hại về nhân phẩm, danh dự mà hành vi xâm phạm của người phạm tội không có liên quan gì đến mục đích chiếm đoạt thì người phạm tội cướp tài sản còn bị truy cứu về các tội phạm tương ứng với hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm.

\* *Chủ thể của tội phạm*

Chủ thể của tội cướp tài sản là chủ thể bình thường nên chỉ đòi hỏi có năng lực

trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi theo luật định. Người phạm tội cướp tài sản phải là người từ đủ 14 tuổi trở lên và khi thực hiện hành vi phạm tội không mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình.

*\* Mặt chủ quan của tội phạm*

Người phạm tội không chỉ cố ý thực hiện hành vi phạm tội mà còn phải có mục đích chiếm đoạt tài sản thì mới cấu thành tội cướp tài sản. Lỗi của người phạm tội cướp tài sản được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Khi thực hiện hành vi phạm tội, người phạm tội biết mình có hành vi dùng vũ lực hoặc biết mình có hành vi đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc biết mình có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được. Người phạm tội mong muốn hành vi đó đe dọa hoặc làm tê liệt được sự chống cự của người bị tấn công, để có thể thực hiện được mục đích chiếm đoạt tài sản. Mục đích vụ lợi (nhằm chiếm đoạt tài sản) là dấu hiệu bắt buộc của tội phạm này. Nếu có hành vi mà không có mục đích chiếm đoạt tài sản thì không cấu thành tội cướp tài sản. Vì thế, mục đích chiếm đoạt tài sản phải có trước hoặc cùng lúc với hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có bất kỳ hành vi nào khác thì mới cấu thành tội cướp tài sản. Nếu ý định chiếm đoạt tài sản có sau các hành vi này thì không thể định tội cướp tài sản dù sau đó người phạm tội có chiếm đoạt tài sản. Bên cạnh đó, mục đích giữ tài sản vừa chiếm đoạt cũng được coi là dạng đặc biệt của mục đích chiếm đoạt.

Như vậy, những hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hay hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm mục đích giữ tài sản vừa chiếm đoạt được cũng được xem là tội cướp tài sản. Đây là trường hợp người phạm tội đã chiếm đoạt được tài sản bằng thủ đoạn không phải cướp như bằng thủ đoạn trộm cắp, cướp giật,... nhưng ngay sau đó đã bị phát hiện; người phạm tội đã tấn công lại người ngăn cản (bằng những thủ đoạn của tội cướp) nhằm chiếm giữ bằng được tài sản vừa chiếm đoạt trước đó. Thực tiễn xét xử từ trước đến nay coi trường hợp này là trường hợp chuyển hóa từ một số hình thức chiếm đoạt tài sản thành cướp.

*\* Các dấu hiệu định khung tăng nặng của tội cướp tài sản:*

Khoản 1 Điều 133 là cấu thành cơ bản của tội cướp tài sản, là tội phạm rất nghiêm trọng. So với tội cướp tài sản thì khoản 1 Điều 133 BLHS 1999 giống với khoản 1 Điều 168 BLHS 2015 và nặng hơn khoản 1 Điều 151 và nhẹ hơn khoản 1 Điều 129 BLHS 1985.

Theo khoản 1 Điều 133 BLHS 1999 thì Tòa án căn cứ các quy định về quyết định hình phạt tại chương VII BLHS (từ Điều 45 đến Điều 54 của Bộ luật này). Nếu các tình tiết khác nhau thì mức phạt đối với người phạm tội phụ thuộc vào những yếu tố sau đây: Người phạm tội dùng vũ lực phải bị phạt nặng hơn người chỉ đe dọa dùng vũ lực tức khắc; Người phạm tội dùng vũ lực gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân có tỷ lệ thương tích dưới 11% phải bị phạt nặng hơn người phạm tội không gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân; Người phạm tội có nhiều tình tiết tăng nặng phải bị phạt nặng hơn người phạm tội không có tình tiết tăng nặng; Người phạm tội không có tình tiết giảm nhẹ phải bị phạt nặng hơn người phạm tội có tình tiết giảm nhẹ; Người phạm tội chiếm đoạt được tài sản phải bị phạt nặng hơn người phạm tội chưa chiếm đoạt được tài sản.

*Cướp tài sản thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 133 BLHS năm 1999*

*\* Trường hợp phạm tội cướp tài sản có tổ chức (điểm a khoản 2 Điều 133 BLHS năm 1999)*

Phạm tội cướp tài sản có tổ chức là trường hợp nhiều người cố ý cùng bàn bạc, câu kết chặt chẽ với nhau, vạch ra kế hoạch để thực hiện việc cướp tài sản, dưới sự điều khiển thống nhất của người cầm đầu. Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm (khoản 2 Điều 20 BLHS 1999). Trong vụ án cướp tài sản có tổ chức, cũng như trong các vụ án hình sự khác có tổ chức, tùy thuộc vào quy mô và tính chất có thể có những người giữ vai trò khác nhau như: người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức. Trong đó người thực hành là người trực tiếp thực hiện tội phạm.

Trực tiếp thực hiện tội phạm là trực tiếp có hành vi thuộc mặt khách quan của cấu thành tội phạm như: trực tiếp cầm dao chém nạn nhân, cầm súng bắn nạn nhân, trực tiếp chiếm đoạt tài sản,... Người thực hành là người có vai trò quyết định việc thực hiện tội phạm vì họ là người trực tiếp thực hiện tội phạm.

\* Trường hợp phạm tội cướp tài sản có tính chất chuyên nghiệp (điểm b khoản 2 Điều 133 BLHS năm 1999)

Phạm tội cướp tài sản có tính chất chuyên nghiệp là người phạm tội đã phạm tội cướp tài sản năm lần trở lên và lấy việc phạm tội là nguồn thu nhập chính nuôi sống cho mình.

Theo hướng dẫn tại Nghị Quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/05/2006 [17] quy định: *“Chỉ áp dụng tình tiết “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” khi có đầy đủ các điều kiện sau đây: Thứ nhất: Có ý phạm tội từ năm lần trở lên về cùng một tội phạm không phân biệt đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự hay chưa truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa được xóa án tích; Thứ hai: Người phạm tội đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính”*.

BLHS năm 1999 coi trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và trong một số tội phạm quy định là tình tiết định khung hình phạt và việc coi trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là tình tiết tăng nặng hoặc định khung hình phạt là yêu cầu cần thiết do thực tiễn đặt ra. Khi áp dụng tình tiết này, cần chú ý rằng khái niệm chuyên nghiệp được hiểu ở đây không đồng nghĩa với khái niệm nghề nghiệp của một người, vì không thể coi phạm tội là một nghề kiếm sống, tính chất chuyên nghiệp của hành vi phạm tội thể hiện ở chỗ tội phạm đó được lặp đi lặp lại nhiều lần mà người phạm tội coi việc phạm tội đó là phương tiện kiếm sống.

Tuy nhiên, phạm tội cướp tài sản có tính chất chuyên nghiệp là trường hợp không chỉ phạm tội cướp tài sản nhiều lần, mà người phạm tội còn phải lấy việc cướp tài sản là nguồn sống chính cho bản thân. Do đó, sự khác nhau giữa tình tiết là

yếu tố định khung với tình tiết tăng nặng về trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp chính là ở điểm này.

\* Phạm tội cướp tài sản trong trường hợp tái phạm nguy hiểm (điểm c khoản 2 Điều 133 BLHS năm 1999)

Tái phạm nguy hiểm là trường hợp đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng do cố ý; hoặc tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội cố ý (điểm a và điểm b khoản 2 Điều 49 BLHS 1999).

Tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung hình phạt đối với tội cướp tài sản hay bất cứ tội phạm nào khác hoàn toàn giống với phạm tội nguy hiểm là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999. Chỉ cần xác định lần phạm tội cướp tài sản này là thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo đúng các quy định về tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 49 BLHS 1999 là được, mà không cần xác định lần phạm tội trước đây có phải là tội cướp tài sản hay không.

\* Trường hợp phạm tội cướp tài sản có sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác (điểm d khoản 2 Điều 133 BLHS năm 1999)

Việc người phạm tội sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác đối với người bị hại được coi như là một trường hợp phạm tội cướp tài sản có tính chất và mức độ nguy hiểm hơn người phạm tội không sử dụng vũ khí, sử dụng phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác đối với người bị hại.

Vũ khí: theo Quy chế quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (ban hành theo Nghị định số 47/1996/ NĐ-CP ngày 12/08/1996 của Chính phủ) bao gồm: vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao, vũ khí thô sơ. Nếu người phạm tội có mang vũ khí nhưng không sử dụng vũ khí trong khi thực hiện hành vi dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc thì không coi là sử dụng vũ khí để cướp tài sản.

Phương tiện nguy hiểm: những vật mà người phạm tội sử dụng khi cướp tài sản có khả năng gây nguy hại đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại như: các

loại dao (dao bầu, dao nhọn, dao rựa, dao quắm, dao phai bờ, lưỡi lam,..); các loại chất độc, chất cháy (ete, thuốc mê thuốc ngủ, axit, chất phóng xạ...).

Thủ đoạn nguy hiểm: Theo Thông tư liên tịch số 20/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp hướng dẫn về “Thủ đoạn nguy hiểm khác” quy định tại điểm khoản 2 Điều 133 BLHS năm 1999: là việc người phạm tội sử dụng phương pháp gây nguy hại đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại và những người khác như bỏ thuốc độc vào bể nước uống, dìm nạn nhân xuống nước, dùng dây chằng qua đường khi người bị hại đi xe máy qua vướng vào dây bị ngã để cướp xe máy... Tính nguy hiểm của thủ đoạn mà người phạm tội sử dụng không phụ thuộc vào phương tiện mà phụ thuộc vào phương pháp sử dụng, có thể phương tiện không chứa đựng khả năng gây nguy hại cho tính mạng, sức khỏe nhưng do người phạm tội biết cách sử dụng những phương tiện đó nên tạo ra khả năng gây nguy hại cho tính mạng, sức khỏe của người bị hại hoặc của người khác.

\* Trường hợp phạm tội cướp tài sản gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% (điểm đ khoản 2 Điều 133 BLHS năm 1999)

Thương tích của người bị hại hoặc của người khác bao gồm cả thương tích do hành vi dùng vũ lực hoặc hành vi khác nhằm chiếm đoạt tài sản và thương tích do hành vi hành hung để tẩu thoát gây nên.

Nếu người phạm tội gây thương tích cho nhiều người và tỷ lệ thương tật của mỗi người chưa đến 11%, nhưng tổng tỷ lệ thương tật của nhiều người cộng lại từ 11% đến 30% thì người phạm tội cũng bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo điểm đ khoản 2 Điều 133 BLHS.

Tỷ lệ thương tật của người bị hại hoặc của người khác phải do Hội đồng giám định pháp y xác định. Vì vậy, cơ quan tiến hành tố tụng cần trưng cầu giám định pháp y đối với người bị hại và những người khác bị thương tích hoặc tổn hại đến sức khỏe để làm căn cứ xác định người phạm tội bị truy cứu theo khoản nào của điều 168 BLHS.

\* Phạm tội cướp tài sản trong trường hợp chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng (điểm e khoản 2 Điều 133 BLHS năm 1999)

Việc xác định giá trị tài sản bị chiếm đoạt thì phải căn cứ vào giá trị thị trường tại thời điểm chiếm đoạt, trong trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng không xác định được giá trị tài sản bị chiếm đoạt thì phải định giá tài sản mới xác định được giá trị bị chiếm đoạt.

\* Phạm tội cướp tài sản trong trường hợp chiếm gây hậu quả nghiêm trọng (điểm g khoản 2 Điều 133 BLHS năm 1999)

Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng là trường hợp do hành vi phạm tội mà gây ra những thiệt hại nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người; thiệt hại nghiêm trọng về tài sản cho cá nhân, cơ quan, tổ chức và những thiệt hại nghiêm trọng khác phi vật chất. Căn cứ vào các quy định khoản 2 Điều 133 BLHS, có thể coi trường hợp sau đây là trường hợp cướp tài sản gây hậu quả nghiêm trọng: Làm chết một người; Gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của một người đến hai người với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 61% trở lên; Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của ba đến bốn người với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 31% đến 61%; Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nhiều người với tổng tỷ lệ thương tật của tất cả những người này từ 61% đến 100%; Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nhiều người với tổng tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% và còn gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ 30 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng; Gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng. Ngoài những thiệt hại về tính mạng, sức khỏe hoặc tài sản có thể xác định được như đã nêu trên, còn những thiệt hại phi vật chất cũng cần xác định để đánh giá hậu quả do hành vi cướp tài sản gây ra, như ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; gây hoang mang cho nhiều người trên một địa bàn nhất định, làm cho nhiều người vì quá sợ hãi nên phải bỏ học, bỏ việc làm, không giám buôn bán,... Những thiệt hại phi vật chất, đòi hỏi cơ quan tiến hành tố tụng, người



tiến hành tố tụng phải căn cứ vào từng vụ cướp tài sản cụ thể, trong một hoàn cảnh cụ thể, xảy ra ở một địa bàn cụ thể, mới có thể xác định được chính xác.

Trong trường hợp người phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS 1999, Tòa án có thể áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 133 BLHS nhưng không được dưới ba năm tù, vì theo quy định tại điều 47 BLHS, thì “Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật”.

*Cướp tài sản thuộc các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 133 BLHS năm 1999*

\* Phạm tội cướp tài sản trong trường hợp gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỉ lệ thương tật từ 31% đến 60% (điểm a khoản 3 Điều 133 BLHS năm 1999)

Trường hợp phạm tội này tương tự như trường hợp quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 133 BLHS chỉ khác ở chỗ tỷ lệ thương tật của người bị hại hoặc của những người khác từ 31% đến 60%. Đây là tỷ lệ thương tật thuộc loại rất nặng, nên người phạm tội phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 3 Điều 133 BLHS có khung hình phạt cao hơn khoản 2 Điều này.

\* Phạm tội cướp tài sản trong trường hợp chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng (điểm b khoản 3 Điều 133 BLHS năm 1999)

Trường hợp phạm tội này tương tự như trường hợp phạm tội quy định tại điểm e khoản 2 Điều 133 BLHS, chỉ khác ở chỗ giá trị tài sản bị chiếm đoạt từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng. Đây là tài sản có giá trị rất lớn, nên người phạm tội phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 3 Điều 133 BLHS 1999 có khung hình phạt cao hơn khoản 2 Điều này.

\* Phạm tội cướp tài sản trong trường hợp chiếm gây hậu quả rất nghiêm trọng (điểm c khoản 3 Điều 133 BLHS năm 1999)

Hậu quả rất nghiêm trọng do hành vi cướp tài sản gây ra cũng tương đương với các tình tiết định khung quy định tại khoản 3 Điều 133 BLHS 1999, vì nó cũng là một tình tiết được quy định trong cùng khung hình phạt. Căn cứ vào các quy định tại khoản 3 Điều 133 BLHS, có thể coi trường hợp sau đây là trường hợp cướp tài sản gây hậu quả rất nghiêm trọng: Làm chết hai người; Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của ba đến bốn người với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 61% trở lên; Gây thương tích hoặc gây tổn hại đến sức khỏe của năm đến bảy người với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 31% đến 60%; Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nhiều người với tổng tỷ lệ thương tật của tất cả những người này từ 101% đến 200%; Gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng đến dưới một tỷ năm trăm triệu đồng; Gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và tài sản mà hậu quả thuộc hai đến ba điểm của phần gây hậu quả nghiêm trọng. Cũng tương tự như trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 133 BLHS 1999, trong trường hợp người phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS 1999, Tòa án có thể áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 133 BLHS nhưng không được dưới bảy năm tù.

*Cướp tài sản thuộc các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 133 BLHS năm 1999*

\* Phạm tội cướp tài sản trong trường hợp gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên hoặc làm chết người (điểm a khoản 4 Điều 133 BLHS năm 1999)

Trường hợp phạm tội này tương tự như trường hợp phạm tội quy định tại điểm đ khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 133 BLHS, chỉ khác ở chỗ tỷ lệ thương tật của người bị hại hoặc của những người khác từ 61% trở lên hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 31% trở lên hoặc làm chết người. Thương tích ở đây được gây ra bởi hành vi dùng vũ lực của người phạm tội (một cách cố ý). Nếu hậu quả thương tích xảy ra là do vô ý của người phạm tội thì phải được xem xét theo tiêu chí của tình tiết “gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” và đây là trường hợp phạm tội đặc biệt nghiêm

trọng, nên người phạm tội phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 4 Điều 133 BLHS.

\* Phạm tội cướp tài sản trong trường hợp chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên (điểm b khoản 4 Điều 133 BLHS năm 1999)

Trường hợp phạm tội này tương tự như trường hợp phạm tội quy định tại điểm e khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 133 BLHS, chỉ khác ở chỗ giá trị tài sản bị chiếm đoạt từ 500.000.000 đồng trở lên. Đây là tài sản có giá trị đặc biệt lớn, nên người phạm tội phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 4 Điều 133 BLHS.

\* Phạm tội cướp tài sản trong trường hợp chiếm gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng (điểm c khoản 4 Điều 133 BLHS năm 1999)

Hậu quả đặc biệt nghiêm trọng do hành vi cướp tài sản gây ra cũng tương đương với các tình tiết định khung quy định tại khoản 4 Điều 133 BLHS 1999, vì nó cũng là một tình tiết được quy định trong cùng khung hình phạt. Căn cứ vào các quy định tại khoản 4 Điều 133 BLHS, có thể coi trường hợp sau đây là trường hợp cướp tài sản gây hậu quả rất nghiêm trọng: Làm chết ba người; Gây thương tích hoặc gây tổn hại đến sức khỏe của năm người trở lên với tỷ lệ thương tật của mỗi người 61% trở lên; Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của tám người trở lên với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 31% đến 60%; Gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe cho sức khỏe của nhiều người với tổng tỷ lệ thương tật của tất cả những người này từ 201% trở lên; Gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ một tỷ năm trăm triệu đồng trở lên; Gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và tài sản mà hậu quả thuộc hai điểm trở lên (trong 6 điểm của “gây hậu quả rất nghiêm trọng”).

Cũng tương tự như trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 133 BLHS 1999, trong trường hợp người phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS 1999, Tòa án có thể áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 4 Điều này nhưng không được dưới mười hai năm tù. Đối với khoản 4 điều này thì mức thấp nhất là 18 năm tù, còn cao nhất là tử hình. những trường hợp chỉ phạm tội cướp tài sản, người phạm tội bị kết án tử hình không nhiều, mà thông thường người phạm tội bị kết án tử hình trong những trường

hợp cướp tài sản có kèm theo giết người, trong đó hình phạt tử hình đối với người phạm tội là hình phạt giết người. Những trường hợp bị phạt tử hình về tội cướp tài sản, thường là những trường hợp phạm tội đã có nhiều tiền án tiền sự, là người chủ mưu, cầm đầu trong các vụ án có tổ chức, những băng cướp nguy hiểm, hoạt động trên địa bàn rộng, trên những trục đường giao thông, trên các phương tiện giao thông, gây hoang mang trong nhân dân...

*\* Hình phạt*

Thực hiện hành vi cướp tài sản người phạm tội đã gây nguy hại lớn cho xã hội, không những trực tiếp gây thiệt hại cho quan hệ nhân thân mà còn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, theo Điều 133 BLHS 1999 quy định hình phạt nghiêm khắc áp dụng đối với người phạm tội. Tùy theo tính chất, mức độ phạm tội, người phạm tội có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo các khung với các hình phạt tương ứng sau:

Khung 1(khung cơ bản): Quy định hình phạt tù từ ba năm đến mười năm áp dụng đối với người phạm tội thỏa mãn các dấu hiệu của cấu thành tội phạm cơ bản. Ở khung này không có các tình tiết tăng nặng.

Khung 2 (khung tăng nặng thứ nhất): Quy định hình phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm và được áp dụng đối với trường hợp phạm tội có tình tiết định khung tăng nặng sau: Có tổ chức, đây là trường hợp đồng phạm cướp tài sản ở hình thức có tổ chức; Có tính chất chuyên nghiệp là trường hợp người phạm tội lấy việc cướp tài sản làm nguồn nuôi sống chính cho bản thân; Tái phạm nguy hiểm là trường hợp người phạm tội đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do lỗi cố ý, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội cướp tài sản hoặc đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do lỗi cố ý; Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác; Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30%. Đây là trường hợp người phạm tội đã cố ý hoặc vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Mức độ thương tật căn cứ vào bản giám định pháp y, bản quy định tiêu chuẩn thương tật trong Thông tư số 12/TTLB ngày 26/7/1995 thông tư liên bộ của Bộ Y tế, Bộ Lao

động Thương binh và Xã hội quy định về tiêu chuẩn thương tật và tiêu chuẩn bệnh tật mới; Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng; Gây hậu quả nghiêm trọng.

Khung 3 (khung tăng nặng thứ hai): Quy định hình phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm áp dụng cho trường hợp phạm tội khi một trong các tình tiết sau:

Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng; Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60%; Gây hậu quả rất nghiêm trọng.

Khung 4 (khung tăng nặng thứ ba): Quy định hình phạt tù từ mười tám năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình cho trường hợp phạm tội khi có một trong các tình tiết sau: Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 31% trở lên; Làm chết người là trường hợp người phạm tội đã gây hậu quả chết người và lỗi của họ đối với hậu quả này là lỗi vô ý. Nếu người phạm tội cố ý gây ra hậu quả chết người thì hành vi phạm tội không còn thuộc trường hợp này mà cấu thành hai tội (tội giết người và tội cướp tài sản); Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên; Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

Ngoài các hình phạt chính nêu trên, người phạm tội cướp tài sản còn có thể bị áp dụng một trong các hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 5 Điều 133 BLHS. Đó là, các hình phạt: Phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng; Tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản; Phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 1 năm đến 5 năm.

### **1.3. So sánh tội cướp tài với một số tội khác**

Khi nghiên cứu tội cướp tài sản, chúng ta không chỉ nghiên cứu các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội này mà chúng ta cần phải phân biệt tội cướp tài sản với một số tội xâm phạm sở hữu có tính chiếm đoạt, đó là các tội cướp giật tài sản, tội công nhiên chiếm đoạt tài sản, tội cưỡng đoạt tài sản. Đối với những tội này có những điểm giống nhau: Các tội này đều có tính chất chiếm đoạt, được thực hiện do lỗi cố ý và có hậu quả thiệt hại về tài sản.

- Về chủ thể: Điều là chủ thể bình thường nên chỉ đòi hỏi có năng lực chịu trách nhiệm hình sự và đạt một độ tuổi nhất định.

- Về khách thể: Điều xâm phạm đến hai khách thể đó là: Quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân.

- Về mặt khách quan: Đó là hành vi xâm phạm đến tài sản của người bị hại, cũng có thể xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại.

- Về mặt chủ quan: Điều được thực hiện do lỗi cố ý.

Tuy nhiên, những tội này vẫn có những điểm khác nhau đối với tội cướp tài sản: Đặc trưng của tội cướp tài sản là người phạm tội dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được. So với tội cưỡng đoạt tài sản (Điều 135 BLHS) là người phạm tội đã có hành vi uy hiếp tinh thần của người có trách nhiệm về tài sản bằng những thủ đoạn đe dọa sẽ dùng vũ lực (không phải là đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc như ở tội cướp tài sản) hoặc thủ đoạn khác làm cho người có trách nhiệm về tài sản lo sợ mà phải giao tài sản cho người phạm tội. Còn đối với tội cướp giật tài sản (Điều 136 BLHS) là người phạm tội lợi dụng sơ hở, đoạt lấy tài sản đang do người khác quản lý rồi nhanh chóng tẩu thoát nhằm tránh sự đuổi bắt của người quản lý tài sản. Yếu tố bất ngờ, công khai, trắng trợn không dùng vũ lực của hành vi cướp giật tài sản cũng là dấu hiệu đặc trưng của tội phạm này còn đối với tội công nhiên chiếm đoạt tài sản thì người phạm tội có hành vi chiếm lấy tài sản của người khác một cách công khai mà không cần chạy thoát khỏi sự đuổi bắt của người quản lý tài sản (không nhanh chóng tẩu thoát, không dùng vũ lực gì cả).

- Về chủ thể: Đối với tội cướp tài sản thì người phạm tội từ đủ 14 tuổi trở lên là phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi hành vi do mình gây ra theo quy định tại khoản 2 điều 12 BLHS, còn đối với tội cưỡng đoạt tài sản và tội cướp giật tài sản thì người phạm tội phải đủ 14 tuổi trở lên nhưng trong trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng mới phải chịu truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Về khách thể: Tội cưỡng đoạt tài sản, tội cướp giật tài sản và tội công nhiên chiếm đoạt tài sản về tính chất và mức độ xâm phạm đến quan hệ nhân thân ít

ngghiêm trọng hơn nhiều so với tội cướp tài sản, quan hệ nhân thân không là mục đích mà người phạm tội muốn xâm phạm.

- Về mặt khách quan: Tội Cưỡng đoạt tài sản thì có hai dạng hành vi khách quan so với tội cướp tài sản đó là: hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực và hành vi khác uy hiếp tinh thần nhằm chiếm đoạt tài sản (hành vi đe dọa hay thủ đoạn khác chưa đến mức khiến chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản bị tê liệt ý chí kháng cự và người bị hại có thể không giao nộp tài sản nếu không muốn).

Còn đối với tội cướp giật tài sản có hành vi khách quan ban đầu khác nhau đó là: hành vi công khai và nhanh chóng giật lấy tài sản của người khác sau đó nhanh chóng tẩu thoát, khác với tội cướp tài sản, tội cướp giật tài sản không dùng vũ lực nếu có thì vũ lực trong tội cướp giật chỉ mang tính chất để chiếm lấy tài sản chứ không nhằm mục đích làm cho người quản lý tài sản hay chủ sở hữu mất khả năng chống cự.

Đối với tội công nhiên chiếm đoạt tài sản đó là: lợi dụng vương mắc để công khai chiếm đoạt tài sản. Tội cưỡng đoạt tài sản quy định tại Điều 135 BLHS có hành vi khách quan "đe dọa sẽ dùng vũ lực..." là hành vi dọa sẽ gây thiệt hại đến sức khỏe, tính mạng trong tương lai nếu không thoả mãn yêu cầu chiếm đoạt của người phạm tội. Khác với tội cướp tài sản đe dọa "dùng vũ lực ngay tức khắc" thì tội Cưỡng đoạt tài sản là đe dọa "sẽ dùng vũ lực" tức là dùng vũ lực trong tương lai, có khoảng cách về thời gian. Sự đe dọa này không có tính nguy hiểm như tội cướp tài sản. Người bị đe dọa còn có điều kiện để chống cự lại, có thời gian để báo cáo với cơ quan có thẩm quyền xử lý trước khi hành vi chiếm đoạt xảy ra; Còn đối với tội cướp giật tài sản là lợi dụng sở hữu của chủ sở hữu tài sản, người phạm tội nhanh chóng tiếp cận chủ sở hữu tài sản để chiếm đoạt và lẩn tránh, người phạm tội cũng có thể dùng thủ đoạn lén lút để tiếp cận chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản rồi bất ngờ giật tài sản của chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản, như bí mật đột nhập từ phía sau chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản...chạy trốn chỉ là một đặc trưng của tội cướp giật tài sản chứ không phải là dấu hiệu bắt buộc, người phạm tội có chạy trốn hay không còn tùy thuộc vào trường hợp cụ thể, nếu như trong hoàn cảnh

nhất định người phạm tội thấy không cần phải chạy trốn mà vẫn không bị bắt thì họ không cần phải chạy trốn vẫn không bị lộ tung tích của mình; Còn tội Công nhiên chiếm đoạt tài sản là công khai lấy tài sản trước mặt người quản lý. Người phạm tội không cần tẩu thoát vì lợi dụng sự vướng bận của người quản lý không thể đuổi bắt kịp.

\* Hậu quả của tội cưỡng đoạt tài sản cũng giống như tội cướp tài sản là tội cấu thành hình thức, hậu quả không phải là dấu hiệu bắt buộc để định tội mà tùy thuộc vào tính chất và mức độ nguy hiểm của người phạm tội để truy cứu trách nhiệm hình sự. Đối với tội cướp giật tài sản và tội công nhiên chiếm đoạt tài sản là tội phạm có cấu thành vật chất khác với tội cướp tài sản là tội phạm cấu thành hình thức, về tính chất và mức độ nguy hiểm thì ít hơn so với tội cướp tài sản. Mục đích cuối cùng đều là “chiếm đoạt tài sản” là dấu hiệu bắt buộc để xác định tội.

### **Kết luận chương 1**

Tội cướp tài sản là một trong những tội phạm được quy định tại chương “Các tội xâm phạm sở hữu”. Tội cướp tài sản là tội có cấu thành hình thức theo quy định của Điều 133 BLHS 199. Vì thế, tội phạm được xem là hoàn thành khi người phạm tội có một trong những hành vi vừa phân tích trên và làm cho nạn nhân “lâm vào tình trạng không thể chống cự được” nhằm chiếm đoạt tài sản, bất kể người phạm tội có chiếm được tài sản hay chưa. Trong chương 1 của luận văn, tác giả đã đưa ra khái niệm, dấu hiệu pháp lý, hậu quả pháp lý, hình phạt, lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam về tội cướp tài sản, so sánh tội cướp tài sản với một số tội khác.

Chính vì vậy, việc nghiên cứu tội phạm cướp tài sản, xác định các nguyên nhân, điều kiện của loại tội phạm này có ý nghĩa hết sức quan trọng để từ đó có những biện pháp đấu tranh phòng, chống có hiệu quả là rất cần thiết. Đây là những vấn đề lý luận cơ bản làm cơ sở, nền tảng cho việc phân tích, đánh giá áp dụng quy định về tội cướp tài sản trong thực tiễn ở chương 2.



## CHƯƠNG 2

# ÁP DỤNG QUY ĐỊNH VỀ TỘI CƯỚP TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

### 2.1. Thực tiễn định tội danh tội cướp tài sản tại tỉnh Quảng Ngãi

\* *Khái niệm định tội danh:*

Hiện nay có rất nhiều quan điểm khác nhau đối với khái niệm định tội danh, tuy nhiên, bản thân tác giả đồng ý với quan điểm cho rằng: Định tội danh là “*Việc xác định và ghi nhận về mặt pháp lý hình sự phù hợp chính xác giữa các dấu hiệu của hành vi phạm tội cụ thể đã được thực hiện với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm đã được quy định trong quy phạm pháp luật hình sự*” [53. tr, 04]. Định tội danh đúng là kết quả của quá trình hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng và tạo tiền đề để đảm bảo cho việc quyết định hình phạt đúng đắn.

Quá trình áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự diễn ra đa dạng và phức tạp, thể hiện ở ba giai đoạn: Định tội danh, xác định khung hình phạt và quyết định hình phạt. Trong đó định tội danh là giai đoạn đầu tiên, giai đoạn quan trọng nhất trong ba giai đoạn trên của toàn bộ quá trình áp dụng pháp luật hình sự, vì định tội danh một tội phạm cụ thể được tiến hành ở tất cả các giai đoạn của quá trình tiến hành tố tụng hình sự từ giai đoạn khởi tố đến giai đoạn thi hành án.

Khi định tội danh một hành vi tội phạm nào đó, người định tội danh phải căn cứ vào cấu thành tội phạm cơ bản. Trong trường hợp điều luật về tội phạm cụ thể chứa đựng nhiều khung hình phạt thì sau khi định tội danh, các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phải xem xét, xác định hành vi phạm tội thỏa mãn khung hình phạt nào (Khung cơ bản, khung tăng nặng hay khung giảm nhẹ), có nghĩa là Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã xác định phạm vi trách nhiệm hình sự của người phạm tội. Trên cơ sở đó, Tòa án sẽ xử lý hành vi phạm tội của người phạm tội như: Miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt hoặc lựa chọn một hình phạt cụ thể cho bị cáo. Tác giả đồng ý với quan điểm nên coi

*định khung hình phạt thuộc về quyết định hình phạt* [50]. Vì định khung hình phạt là việc được thực hiện sau khi thực hiện định tội danh xong. Việc định tội danh dựa trên cơ sở cấu thành tội phạm cơ bản chứ không phải dựa vào cấu thành tăng nặng hay giảm nhẹ được nêu trên.

Cơ quan Điều tra và Viện kiểm sát đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình định tội danh. Nếu các cơ quan này định tội danh không chính xác sẽ ảnh hưởng không nhỏ trong quá trình xét xử của Tòa án và quyết định hình phạt. Để làm rõ vấn đề này, chúng ta cần làm rõ các yếu tố trong hoạt động định tội danh như sau: Định tội danh theo các yếu tố cấu thành tội phạm; định tội danh đối với yếu tố hành vi phạm tội chưa thành; định tội danh trong trường hợp đồng phạm: “*Chế định đồng phạm trong luật Hình sự nước ta bao quát một hình thức đặc biệt của việc thực hiện tội phạm, khi tội phạm không phải do một người thực hiện mà do một số người liên kết nỗ lực của mình thực hiện nhằm đạt được kết quả phạm tội*” [53. tr, 157]; định tội danh trong trường hợp có nhiều tội; định tội danh còn dựa vào các yếu tố đó là sự cạnh tranh quy phạm pháp luật hình sự và định tội danh

### **2.1.1. Kết quả**

Tình hình xét xử tội phạm và tội cướp tài sản tại tỉnh Quảng Ngãi từ năm 2011 – 2015:

Cùng với cả nước, tỉnh Quảng Ngãi sau hơn 25 năm đổi mới đã có sự thay đổi chuyển biến sâu sắc và toàn diện trên tất cả mọi mặt của đời sống xã hội. Từ một tỉnh nghèo có thu nhập thấp đến nay đã vươn lên thoát nghèo và hiện đang phát triển mạnh mẽ. Đặc biệt từ khi nhà máy lọc dầu Dung Quất và khu kinh tế Dung Quất đi vào hoạt động thì tình hình kinh tế - xã hội ở tỉnh Quảng Ngãi chuyển biến mạnh mẽ, thu nhập bình quân đầu người tăng lên, thu nộp ngân sách tăng lên hàng năm. Có thể nói, đây thực sự là một thế lực kinh tế mới của cả nước, đồng thời mở ra nhiều cơ hội thuận lợi cho nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát huy hết các tiềm năng có sẵn trong việc xây dựng và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhà. Tuy nhiên, những năm gần đây dân cư của tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục gia tăng, số người ở các tỉnh khác đến cư trú, làm ăn ngày một đông đúc, người lao động tại khu kinh tế Dung Quất có sự gia tăng mạnh mẽ, làm cho

việc quản lý của chính quyền địa phương gặp không ít khó khăn, đây là điều kiện để các loại tội phạm nói chung và loại tội phạm liên quan đến cướp tài sản nói riêng luôn duy trì ở mức cao và ngày càng diễn biến phức tạp.

Qua thực tiễn nghiên cứu tình hình xét xử tội phạm nói chung và tội cướp tài sản nói riêng tại địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (Từ năm 2011 đến năm 2015, tác giả đã tổng hợp, thống kê với các số liệu [43] như sau:

Từ những thông tin trên, tác giả tổng hợp bằng các bảng sau đây:

**Bảng 2.1. Cơ cấu tội phạm đã bị xét xử từ năm 2011 đến 2015**

STT	Nhóm tội xâm phạm	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo
		361	669	563	1.052	579	1.128	437	777	453	861
01	XPSH	157	300	238	445	251	481	183	316	200	342
02	TMSK	89	168	133	252	126	252	83	156	107	218
03	TTXH	95	159	141	263	132	287	111	206	98	210
04	MT	7	14	24	35	26	35	25	44	28	45
05	Khác	13	28	27	57	44	85	35	55	20	36

Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi [43]

**Bảng 2.2. Tỷ lệ (%) các loại tội phạm đã bị xét xử từ năm 2011 đến năm 2015**

STT	Nhóm tội xâm phạm	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Vụ án (%)	Bị cáo (%)	vụ án (%)	Bị cáo (%)	Vụ án (%)	Bị cáo (%)	Vụ án (%)	Bị cáo (%)	Vụ án (%)	Bị cáo (%)
01	XPSH	43,49	44,84	42,28	42,30	43,35	42,24	41,87	40,66	44,15	39,72
02	TMSK	24,66	25,11	23,62	23,90	21,76	22,07	18,99	20,07	23,62	25,32
03	TTXH	26,32	23,75	25,05	25,00	22,79	25,11	25,42	26,54	21,63	24,40
04	MT	1,93	2,09	4,26	3,42	4,50	3,10	5,72	5,66	6,19	6,38
05	Khác	3,60	4,18	4,79	5,38	7,60	7,48	8,00	7,07	4,41	4,18

Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi [43]

Từ bảng số liệu (Bảng 2.1 và bảng số 2.2) thấy thấy số vụ án xâm phạm sở hữu chiếm tỷ lệ rất lớn trong các nhóm tội đã bị xét xử tại tỉnh Quảng Ngãi. Khi so

sánh tổng số vụ án và tổng số bị cáo đã bị xét xử từ năm 2011-2015, ta thấy trong 05 năm (2011-2015), các nhóm tội có tỷ lệ trung bình như sau:

- Tội xâm phạm sở hữu: Chiếm 32,75% vụ án và 32,97% bị cáo;
- Tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự con người chiếm 24,32 % vụ án và 24,28% bị cáo.
- Tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự xã hội chiếm 22,93% vụ án và 24,87% bị cáo;
- Các tội phạm về ma túy chiếm 5,17% vụ án và 4,47% bị cáo.
- Các tội xâm phạm khác chiếm 14,83% vụ án và 13,40% bị cáo.

Về cơ cấu tội cướp tài sản trong nhóm tội xâm phạm sở hữu được thể hiện trong bảng tổng hợp như sau:

**Bảng 2.3. Cơ cấu tội cướp tài sản trong nhóm tội xâm phạm sở hữu**

STT	Tội XPSH	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo
		157	300	238	445	251	481	183	316	200	342
01	Cướp tài sản	17	52	26	72	14	44	7	13	5	19
02	Cưỡng đoạt tài sản	2	3	6	14	4	8	3	13	3	5
03	Cướp giật tài sản	14	32	19	34	20	40	7	20	13	24
04	Trộm cắp tài sản	95	171	158	282	156	286	114	188	135	235
05	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	7	9	9	9	26	45	26	41	19	30
06	Khác	22	33	20	32	31	58	26	41	25	29

*Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi [43]*

Từ kết quả của bảng số 2.3, ta thấy tỷ lệ cụ thể của tội cướp tài sản trong nhóm tội xâm phạm sở hữu như sau:

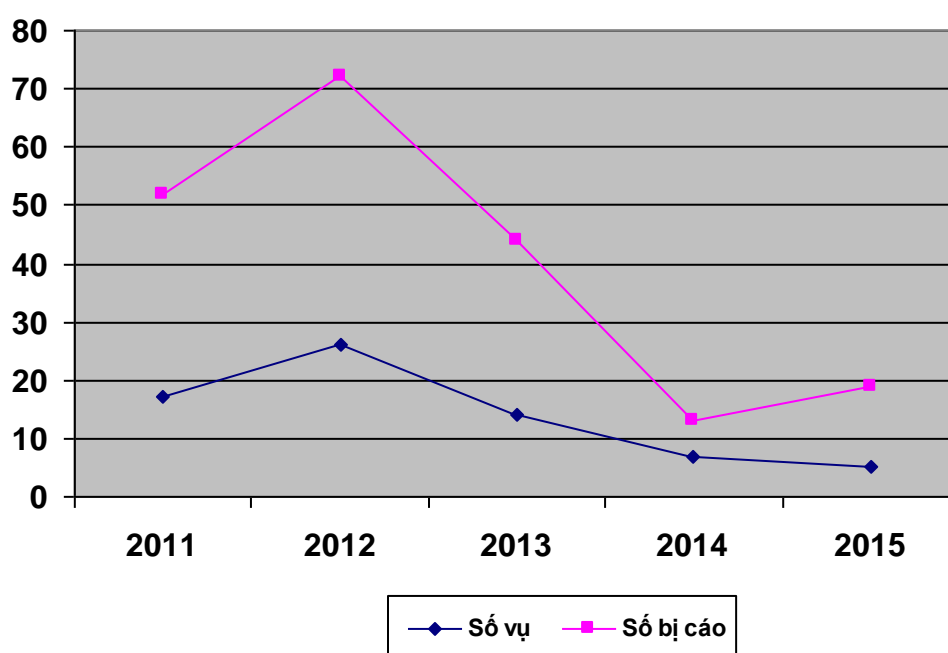
**Bảng 2.4. Tỷ lệ (%) của tội cướp tài sản và số bị cáo qua các năm**

STT	Tội xâm phạm Sở hữu	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Vụ án (%)	Bị cáo (%)	Vụ án (%)	Bị cáo (%)	Vụ án (%)	Bị cáo (%)	Vụ án (%)	Bị cáo (%)	Vụ án (%)	Bị cáo (%)
01	Cướp tài sản	10,82	17,33	10,94	16,20	5,60	9,14	3,80	3,99	2,50	5,56
02	Cưỡng đoạt tài sản	1,27	1,00	2,52	3,15	1,60	1,66	1,70	3,99	1,50	1,46
03	Cướp giật tài sản	8,93	10,67	7,98	7,64	7,80	8,30	3,80	6,45	6,50	7,05
04	Trộm cắp tài sản	60,51	57,00	66,38	63,63	62,15	59,50	62,30	59,59	67,50	68,71
05	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	4,46	3,00	3,78	2,08	10,46	9,35	14,20	12,99	9,50	8,77
06	Khác	14,01	11,00	8,4	7,30	12,39	12,05	14,20	12,99	12,50	8,48

*Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi [43]*

Từ bảng số liệu (Bảng số 2.3 và bảng số 2.4) ta thấy số vụ án và số bị cáo đã bị xét xử về tội cướp tài sản chiếm tỷ lệ vừa phải trong nhóm tội xâm phạm sở hữu tại tỉnh Quảng Ngãi. Nhìn vào hai bảng số liệu này ta thấy loại tội phạm này duy trì ở mức trung bình và giảm dần về hai năm cuối, trong khi đó các tội còn lại theo từng năm cao thấp khác nhau nhưng không có sự gia tăng đột biến qua các năm. Khi so sánh với tổng số vụ án và tổng số bị cáo đã bị xét xử từ năm 2011-2015, ta thấy số liệu trung bình như sau:

- Tội cướp tài sản: 6,73% vụ án và 10,44 9% bị cáo.
- Tội cưỡng đoạt tài sản: 1,71% vụ án và 2,25% bị cáo.
- Tội cướp giết tài sản: 7,00% vụ án và 8,02 % bị cáo.
- Tội trộm cắp tài sản: 63,77% vụ án và 61,69% bị cáo.
- Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản: 8,48% vụ án và 7,24% bị cáo.
- Các tội xâm phạm khác: 12,3% vụ án và 10,36% bị cáo.



***Biểu đồ 2.5. Diễn biến tình hình tội phạm của tội cướp tài sản (theo số vụ và số bị cáo) từ năm 2011 đến năm 2015***

*2.1.1.1. Thực tiễn định tội danh tội cướp tài sản đúng theo cấu thành tội phạm cơ bản*

Đó là định tội danh theo những dấu hiệu pháp lý đặc trưng bắt buộc đối với tội phạm được quy định tại khoản 1 Điều 133 BLHS, các dấu hiệu đặc trưng đó phản ánh bản chất của loại tội phạm và cho phép phân biệt nó với loại tội phạm khác. Qua khảo sát thực tế hoạt động định tội danh của các cơ quan tiến hành tố tụng đối với tội cướp cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 133 BLHS thì thấy rằng:

Về đối tượng phạm tội: Đối tượng phạm tội cướp tài sản theo khoản 1 Điều 133 là người ở địa phương và người của địa phương khác đến, chúng thường quen

biết nhau, thường ăn nhậu với nhau ngoài đường rồi kết bạn với nhau sau đó nảy sinh ý định cướp tài sản rồi rủ nhau đi, tuy nhiên thường là đồng phạm giản đơn. Phần lớn các bị cáo hầu hết có độ tuổi từ 18 đến 30 tuổi, nhiều trường hợp là người chưa thành niên. Các đối tượng phạm tội này thường có trình độ văn hóa thấp, không có nghề nghiệp hoặc có nhưng lười lao động chân chính, không chịu tu dưỡng rèn luyện đạo đức, những ham muốn đua đòi như ăn nhậu, bài bạc, cá độ bóng đá... Đây là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến hành vi cướp tài sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Về thời gian, địa điểm, phương pháp, thủ đoạn của cướp tài sản: Các bị cáo thường lợi dụng đường vắng, ít người qua lại, hoặc đánh vào tâm lý lo sợ của nạn nhân dẫn đến tạo điều kiện cho bọn tội phạm thực hiện hành vi cướp tài sản. Thủ đoạn của bọn chúng thường dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc làm cho những người đi đường có tài sản khiếp sợ, không có khả năng biện pháp nào chống cự để các bị cáo nhằm thực hiện hành vi cướp tài sản.

Về tính chất phạm tội và hành vi nguy hiểm cho xã hội: Qua khảo sát tại địa phương, thấy rằng những vụ án cướp tài sản thuộc khoản 1 Điều 133 thường có hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến khách thể là “Quyền sở hữu tài sản và quyền nhân thân của công dân”.

Ví dụ: Trong tháng 6 năm 2014 Hồ Văn Huyện và Hồ Văn Trước cùng đồng bọn thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người đi đường tại địa bàn xã Trà Xinh, huyện Tây Trà cụ thể như sau: Khoảng 19 giờ, ngày 17/6/2014 Hồ Văn Huyện, Hồ Văn Trước, Hồ Văn Vài Linh, Hồ Văn Sơn, Hồ Thanh Thuận, Hồ Văn Sâm và Hồ Văn Anh cùng nhau uống rượu tại nhà của Hồ Văn Trước thì Huyện rủ mọi người trong bàn nhậu đi chặn đường, đe dọa, khống chế, đánh lấy tài sản của những người đi đường để bán lấy tiền tiêu xài, cả bọn đồng ý tham gia. Lập tức cả nhóm cùng kéo nhau đến ngã ba thuộc thôn Trà Kem, xã Trà Xinh, huyện Tây Trà để thực hiện, trên đường đi cả nhóm gặp Hồ Văn Bích Long, cùng nhau rủ Long thực hiện và Long cũng đồng ý tham gia. Đến địa điểm Huyện lấy đoạn cây gỗ dài 1,85 m có đường kính 12 cm, Trước tìm lấy một đoạn tre dài 2,12 m, đường kính

0,6 cm đặt nằm ngang giữa đường đồng thời tất cả đứng giăng thành hàng ngang giữa đường cùng nhau ngồi đợi để chặn xe của người đi đường, một lúc sau có anh Sê một mình đi xe máy cỡ trái uoi chạy ngang qua thì cả nhóm la hét, chặn lại nhưng do anh Sê là người quen của Hồ Văn Bích Long nên Long đứng ra xin tha cho anh Sê, cả nhóm đồng ý và cho anh Sê đi. Tiếp đến chị Lữ Thị Thơ có công việc đi ngang qua thì cả nhóm cũng tiếp tục la hét, chặn lại đòi đánh nhưng chị Thơ quay đầu xe lại bỏ chạy thoát được. Một lúc sau có anh Lương Ngọc Vương, Trần Phương Duy, Lê Văn Phong đi trên 02 chiếc xe máy cỡ 04 bao trái uoi và máy cưa lốc hiệu STIHT màu trắng hồng chạy đến thì cả nhóm chặn lại, xáp đến la hét, đe dọa, bảo đưa tài sản nếu không đưa sẽ bị đánh làm cho cả 03 khiếp sợ không dám chống cự. Huyện và đồng bọn giật lấy 04 bao trái uoi và một cưa lốc trên xe của anh Vương, Duy và Phong rồi chở về nhà anh của Hồ Văn Sơn cất giấu.

Vào khoảng 20 giờ, ngày 19/6/2014 Hồ Văn Hoàng điều khiển xe máy 76M1-0374 đi theo hướng xã Trà Xinh- Trà Phong, huyện Tây Trà khi vừa nhìn thấy 03 người đàn ông chạy trên 03 chiếc xe máy phía trước cùng chiều là các anh Trần Ngọc Hương, Trần Ngọc Huệ, Trần Minh Vũ. Trước liền rủ Hoàng đuổi theo chặn đường đe dọa, đánh lấy trái uoi của các anh Hương, Vũ và Huệ để bán lấy tiền tiêu xài, Hoàng đồng ý liền tăng tốc xe đuổi ví theo, khi xe của Hoàng và Trước đuổi ví đến nhà của Đinh Xuân Hoàng ở đội 06, thôn Trà Kem xã Trà Xinh thì nhìn thấy Đinh Xuân Hoàng và Hồ Văn Chiến đang đứng. Trước hô lớn rủ Đinh Xuân Hoàng và Hồ Văn Chiến cùng tham gia, Đinh Xuân Hoàng và Hồ Văn Chiến đồng ý và cùng nhau lấy xe máy đuổi theo. Cả nhóm đuổi ví đến ngã ba thuộc thôn Trà Kem, xã Trà Xinh thì xe của Hồ Văn Hoàng và Trước đuổi kịp xe của anh Vũ và vượt qua luôn để ví theo 02 xe trước nhưng không kịp, liền lúc đó xe của Hồ Văn Hoàng quay đầu lại đến ngã ba thuộc thôn Trà Kem, xã Trà Xinh thì gặp Đinh Xuân Hoàng và Hồ Văn Chiến, cả 4 cho xe áp sát xe anh Vũ, la hét, đe dọa làm anh Vũ khiếp sợ, Trước sáp đến dùng chân đạp vào xe máy của anh Vũ làm cho cả anh Vũ và xe máy cùng ngã xuống, Trước nắm cổ áo đánh vào mặt anh Vũ, Hồ Văn Hoàng cũng nhảy vào dùng tay đánh vào mặt anh Hoàng hai cái. Cùng lúc đó có Đào Công Cảnh và



Hồ Văn Bình là cán bộ của Hạt kiểm lâm Tây Trà đi ngang qua thấy vậy đến can ngăn thì Hồ Văn Hoàng đòi đánh luôn cả anh Cảnh, Hồ Văn Trước và Hồ Văn Hoàng liền lấy 02 trái ươi trên xe của anh Vũ chở về gửi cho chị họ của Trước là Hồ Thị Út tại đội 07 thôn Trà Kem, xã Trà Xinh cất giấu để bán lấy tiền tiêu xài nhưng chưa kịp bán thì đã bị Công an huyện Tây Trà phát hiện thu giữ 02 bao trái ươi có khối lượng 31 kg trái ươi chưa khô.

Khoảng 02 giờ, ngày 20/6/2014 Hồ Văn Huyện cùng với Đinh Văn Ổ sau khi đi chơi ở xã Trà Phong, huyện Tây Trà bằng chiếc xe máy Sirius, biển kiểm soát 76 X4- 2294 của cha ruột Ổ là ông Đinh Đế, trên đường về thì Huyện rủ Ổ chặn đường những người đi mua trái ươi đe dọa, đánh lấy tài sản, bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, Ổ đồng ý và cùng tham gia với Huyện, Huyện và Ổ điều khiển xe máy đến đoạn đường vắng cách ngã ba thôn Trà Kem, xã Trà Xinh khoảng 50 m theo hướng sông Tang, Huyện và Ổ dừng lại tìm lấy, cầm trên tay mỗi người một đoạn cây gỗ để làm hung khí và ngồi đợi đến khi anh Nguyễn Văn Hải đi xe máy chở trái ươi đến, Huyện, Ổ lập tức áp sát cầm cây đe dọa. Anh Hải hoảng sợ dừng xe lại, Huyện dùng cây đập mạnh vào bao trái ươi làm anh hải khiếp sợ và đưa cho Huyện 500.000đ, Huyện và Ổ lấy được tiền bỏ chạy theo hướng Trà Kem, Trà Xinh, số tiền lấy được của anh Hải, Huyện và Ổ chia nhau mỗi người 250.000đ để tiêu xài.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐGTS ngày 16/9/2014 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Tây Trà đã kết luận 31 kg trái ươi chưa khô hoàn toàn mà các bị cáo đã chiếm đoạt được của anh Trần Minh Vũ vào ngày 19/6/2014 là 4.805.000đ và một máy cưa lốc hiệu STIHL có giá trị 4.700.000đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐGTS ngày 10/12/2014 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Tây Trà đã kết luận 21 kg trái ươi khô mà các bị cáo đã chiếm đoạt được của anh Vương, Duy, Phong vào ngày 17/6/2014 có giá trị 1.785.000đ và 64 kg trái ươi tươi có giá trị 1.920.000đ. Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 7/5/2015. VKSND Huyện Tây Trà, tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố các bị cáo Hồ Văn Huyện, Hồ Văn Trước, Hồ Văn Vài Linh, Hồ Văn Sơn, Hồ Thanh Thuận, Hồ Văn Sâm, Hồ Văn Hoàng, Đinh Xuân Hoàng, Hồ Văn Chiến, Đinh Văn Ổ, Hồ

Văn Anh, Hồ Văn Bích Long phạm tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 133 BLHS. Tại bản án số 04/2015/HSST ngày 29/6/2015 của TAND huyện Tây Trà, tỉnh Quảng Ngãi đã tuyên bố:

+ Hồ Văn Huyện, Hồ Văn Trước phạm tội cướp tài sản. Quyết định: Áp dụng khoản 1 Điều 133, điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46, điểm g Khoản 1 Điều 48, Điều 33 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hồ Văn Huyện, Hồ Văn Trước 4 năm 5 tháng tù.

+ Đinh Văn Ổ, Hồ Văn Sâm, Hồ Văn Bích Long, Hồ Văn Vài Linh, Hồ Văn Sơn, Hồ Thanh Thuận phạm tội cướp tài sản. Quyết định: Áp dụng khoản 1 Điều 133, điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46, Điều 47 và Điều 33 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đinh Văn Ổ, Hồ Văn Sâm, Hồ Văn Bích Lon, Hồ Văn Vài Linh, Hồ Văn Sơn, Hồ Thanh Thuận 2 năm 5 tháng tù.

+ Hồ Văn Anh, Hồ Văn Chiến và Hồ Văn Hoàng phạm tội cướp tài sản. Quyết định: Áp dụng khoản 1 Điều 133, điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hồ Văn Anh, Hồ Văn Chiến và Hồ Văn Hoàng 3 (ba) năm tù.

+ Đinh Xuân Hoàng phạm tội cướp tài sản. Quyết định: Áp dụng khoản 1 Điều 133, điểm a,b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46, Điều 47 và Điều 60 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đinh Xuân Hoàng 02 năm 5 tháng tù treo, thời gian thử thách 58 tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Đinh Xuân Hoàng cho UBND xã Trà Xinh, huyện Tây Trà để giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Như vậy, qua vụ án trên chúng ta thấy rằng các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình định tội danh đối với Hồ Văn Huyện, Hồ Văn Trước, Hồ Văn Vài Linh, Hồ Văn Sơn, Hồ Thanh Thuận, Hồ Văn Sâm, Hồ Văn Hoàng, Đinh Xuân Hoàng, Hồ Văn Chiến, Đinh Văn Ổ, Hồ Văn Anh, Hồ Văn Bích Long là đầy đủ, toàn diện, khách quan, cũng như việc áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là hoàn toàn đúng đắn, thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội phạm đã được quy định trong điều 133 Bộ luật hình sự.

Hiện nay, căn cứ pháp lý hình sự để định tội danh đối với tội cướp tài sản chính là BLHS Việt Nam năm 1999, sửa đổi năm 2009 (bao gồm cả Phần chung và Phần các tội phạm). Ngoài ra, trong khi chưa có văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật thay thế, các nội dung hướng dẫn còn phù hợp và đúng trong Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XIV “*Các tội xâm phạm sở hữu*” của BLHS năm 1999.

Việc chuyển hóa tội phạm từ tội phạm khác (như: trộm cắp tài sản, công nhiên chiếm đoạt tài sản...) sang tội cướp tài sản khi người phạm tội đã chiếm giữ được tài sản thì bị chủ sở hữu hoặc người có trách nhiệm quản lý tài sản giằng, giật... lại tài sản, khi đó, người phạm tội đã sử dụng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc để bảo vệ tài sản đã chiếm đoạt được từ việc thực hiện một tội phạm khác. Trường hợp nếu người phạm tội, phạm vào một tội khác thì bị chủ sở hữu hoặc người có trách nhiệm giằng, giật... lại tài sản, liền sau đó đã sử dụng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc nhằm tẩu thoát thì không phạm vào tội cướp tài sản, vì lúc đó không có mục đích tiếp tục chiếm đoạt tài sản. Trường hợp này không có sự chuyển hóa từ tội phạm khác sang tội cướp tài sản. Hành vi trên được coi là “*hành hung để tẩu thoát*” đối với việc phạm tội trước đó.

Cấu thành cơ bản của tội cướp tài sản quy định tại khoản 1 điều 133 BLHS có nhiều yếu tố là yếu tố định tội mà nhà làm luật quy định, làm ranh giới phân biệt giữa hành vi phạm tội cướp tài sản với các tội phạm khác trong nhóm tội xâm phạm quyền sở hữu. Các tình tiết khác nhau thì mức phạt đối với người phạm tội phụ thuộc vào những yếu tố sau đây: Người phạm tội dùng vũ lực phải bị phạt nặng hơn người chỉ đe dọa dùng vũ lực tức khắc; Người phạm tội dùng vũ lực gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân có tỷ lệ thương tích dưới 11% phải bị phạt nặng hơn người phạm tội không gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân; Người phạm tội có nhiều tình tiết tăng nặng phải bị phạt nặng hơn người phạm tội không có tình tiết tăng nặng; Người phạm tội không có tình tiết giảm

nhẹ phải bị phạt nặng hơn người phạm tội có tình tiết giảm nhẹ; Người phạm tội chiếm đoạt được tài sản phải bị phạt nặng hơn người phạm tội chưa chiếm đoạt được tài sản.

Trong khi thực hiện một tội phạm khác, người phạm tội đã nảy sinh ý thức chiếm đoạt trước khi có hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc, hoặc các hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể tự vệ được. Do đó, trường hợp nếu ý thức chiếm đoạt nảy sinh sau khi đã thực hiện các hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc các hành vi khác... thì người phạm tội không những bị truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội khác mà đồng thời còn bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội cướp tài sản, mà tùy vào từng trường hợp cụ thể người đó có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội phạm khác tương ứng.

Theo hướng dẫn tại Nghị Quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/05/2006 [15] quy định về tình tiết "đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm" quy định tại một số điều luật của BLHS: *"Trường hợp các tiền án của bị cáo không được xem xét là dấu hiệu cấu thành tội phạm "đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm" vì hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì các tiền án của bị cáo phải tính để xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm"*.

Ví dụ: Vào tối ngày 10/11/2012 Nguyễn Hoàng Anh và Nguyễn Văn Sáng rủ nhau đi nhậu và chơi tại thành phố Quảng Ngãi, đến khoảng 23 giờ Nguyễn Hoàng Anh điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 76K3- 1951 chở Nguyễn Văn Sáng từ thành phố Quảng Ngãi về thị trấn Sơn Tịnh, về nhà theo đường trong xóm thuộc thôn Liên Hiệp 1, ở phía Bắc đường quốc lộ 24B. Khi ra đến đường quốc lộ 24B tại vị trí cầu chui, Nguyễn Hoàng Anh cho xe chạy về hướng Đông thì thấy chị Phạm Thị Vy (Lê Vy) đang đi bộ một mình từ hướng Đông lên hướng Tây theo tuyến quốc lộ 24B; giữa Nguyễn Hoàng Anh và Nguyễn Văn Sáng nói với nhau "Quay lại lên bắt con bò lạc- con bộ đội" với ý định là tiếp cận, dụ, phỉnh chị Vy để chở đi giao cầu. Nói xong Nguyễn Hoàng Anh cho xe quay lại, chạy đến chỗ chị Vy;

Nguyễn Hoàng Anh và Nguyễn Văn Sáng hỏi: “Đi về đâu mà đi bộ một mình, lên xe chở giùm chứ đêm khuya nguy hiểm”. Lúc đầu chị Vy nói lại với Nguyễn Hoàng Anh và Nguyễn Văn Sáng là không đi, đã gọi xe taxi rồi, nghe vậy Nguyễn Hoàng Anh nói: “Nhìn mặt bọn anh thử giống lưu manh không mà không giám đi, nhìn biển số xe này”. Sau khi nghe vậy, chị Vy lên xe do Nguyễn Hoàng Anh điều khiển chở Nguyễn Văn Sáng ngồi giữa, chị Vy ngồi sau cùng chạy từ hướng đông lên tây. Khi đến trước khách sạn Mỹ Trà, Nguyễn Văn Sáng véo nhẹ vào vai Nguyễn Hoàng Anh và nói cua xuống, Nguyễn Hoàng Anh hiểu ý và quay xe lại chạy xuống hướng đông và nói có Công an, thực tế lúc đó không có Công an. Nguyễn Hoàng Anh cho xe chạy tốc độ nhanh. Lúc này chị Vy nghĩ Nguyễn Hoàng Anh và Nguyễn Văn Sáng có ý đồ xấu với mình, nên lấy điện thoại ra để gọi cho anh Sinh Ngọc ở khách sạn Trung tâm là chủ nơi chị Vy làm việc. Sáng thấy chị Vy lấy điện thoại ra nên Sáng quay lại giật điện thoại không cho gọi, rồi bọc điện thoại của chị Vy vào túi. Nguyễn Hoàng Anh tiếp tục điều khiển xe chạy lên núi Thiên Ân, khi gần đến chùa Thiên Ân, Nguyễn Hoàng Anh cho xe rẽ vào đường đất và chạy một đoạn rồi dừng xe lại. Thời điểm này tại khu vực đó không có người, chị Vy đoán được ý đồ của Nguyễn Hoàng Anh và Nguyễn Văn Sáng nên nói với Nguyễn Hoàng Anh và Nguyễn Văn Sáng là đi về nhà trọ của chị Vy hoặc đến nhà nghỉ nào đó, với mục đích phỉnh để Nguyễn Hoàng Anh và Nguyễn Văn Sáng chở về, nhưng Nguyễn Hoàng Anh và Nguyễn Văn Sáng không đồng ý. Nguyễn Văn Sáng kéo chị Vy ra cách chỗ xe và Nguyễn Hoàng Anh một đoạn khoảng 5-6 mét, rồi Sáng ôm hôn, nhưng chị Vy phản ứng không cho. Sáng cởi áo và dây ngực của chị Vy ra bỏ xuống đất, tiếp tục Sáng cởi quần nhưng vì quần chật nên chị Vy nói để tự cởi. Sau khi cởi quần của chị Vy xong, Sáng tự cởi quần áo của mình và có những hành động sờ mó, bú vào vú, sờ mó vào âm hộ của chị Vy. Sau khi dương vật đã cương cứng, Sáng lấy bao cao su có sẵn trong túi đeo vào dương vật rồi cho dương vật vào âm hộ của chị Vy ở tư thế cả hai đều đứng và thực hiện hành vi giao cấu. Được khoảng 2- 3 phút, Sáng xuất tinh nên lấy dương vật ra, lấy bao cao su ném ở khu vực gần đó.

Sau khi Nguyễn Văn Sáng giao cầu xong thì Nguyễn Hoàng Anh liền đi đến chỗ chị Vy, Nguyễn Hoàng Anh cởi hết quần áo của mình ra, chị Vy nói không có bao cao su thì đừng giao cầu, Nguyễn Hoàng Anh bảo chị Vy dùng miệng ngậm dương vật ở tư thế Nguyễn Hoàng Anh đứng, chị Vy quỳ. Trong khi chị Vy bú dương vật của Nguyễn Hoàng Anh thì dương vật của Nguyễn Hoàng Anh cương cứng, không kiềm chế được Nguyễn Hoàng Anh bảo chị Vy quỳ chổng mông lên rồi cho dương vật vào âm hộ và thực hiện hành vi giao cầu, khoảng vài ba phút thì xuất tinh.

Sau khi Nguyễn Hoàng Anh giao cầu xong, Sáng đến bảo Nguyễn Hoàng Anh kéo chị Vy ra một đoạn vài ba mét rồi Sáng lục túi xách của chị Vy lấy một triệu đồng bọc vào túi, Sáng đưa lại cái điện thoại Samsung Viettel đã giật được lúc đang ngồi trên xe cho chị Vy, nhưng Nguyễn Hoàng Anh giật lại và nói: “Mày điên hả”, Nguyễn Hoàng Anh lấy chiếc điện thoại đó rồi lên xe nổ máy bảo Sáng ngồi lên và chạy xuống núi, bỏ chị Vy ở lại đó, mặc cho chị Vy năn nỉ chờ chị Vy về.

Tại bản Cáo trạng số 17/KSĐT-TA ngày 25/3/2013. VKSND Huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố Nguyễn Hoàng Anh và Nguyễn Văn Sáng phạm tội “*Hiếp dâm*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 111 và phạm tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 133 BLHS. Tại bản án số 17/2013/HSST ngày 16/4/2013 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi đã tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Hoàng Anh và Nguyễn Văn Sáng phạm tội “*Hiếp dâm*” và tội “*Cướp tài sản*”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 111; điểm b, p khoản 1 điều 46; điểm g khoản 1 điều 48, khoản 1 điều 49; điều 33 BLHS. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng Anh 07 (bảy) năm tù về tội “*Hiếp dâm*”. Áp dụng khoản 1 Điều 133; điểm b, p khoản 1 điều 46; điểm g khoản 1 điều 48, khoản 1 điều 49; điều 33 BLHS. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng Anh 03 (ba) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”. Áp dụng điều 50 BLHS, tổng hợp hình phạt chung của bị cáo Nguyễn Hoàng Anh là 10 (mười) năm tù. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 111; điểm b, p khoản 1 điều 46; điều 68, 69, 74; điều 33 BLHS. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Sáng 05 (Năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Hiếp dâm*”. Áp dụng khoản 1 Điều 133; điểm b, p khoản 1 điều 46; điều 68,

69, 74; điều 33 BLHS. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Sáng 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”. Áp dụng điều 75 BLHS, tổng hợp hình phạt chung của bị Nguyễn Văn Sáng là 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

Như vậy, định tội danh tội cướp tài sản theo khoản 1 Điều 133 BLHS, thì thấy hành vi cướp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 133 BLHS có tính nguy hại cho xã hội (dễ dàng chuyển hóa từ tội phạm khác sang tội cướp tài sản, đã có tiền án về tội chiếm đoạt chưa được xóa án tích mà còn vi phạm...) thì mới bị xử lý theo khoản 1 điều 133 BLHS. Bên cạnh đó, trong quá trình định tội danh, các đối tượng sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Có hoàn cảnh gia đình khó khăn, được gia đình khắc phục một phần hoặc toàn bộ hậu quả vật chất gây ra... Do vậy được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điều 46 BLHS và thường xử phạt ở mức án từ 2 đến 4 năm tù và nhiều trường hợp cho hưởng án treo.

#### *2.1.1.2. Thực tiễn định tội danh tội cướp tài sản đúng theo cấu thành tội phạm tăng nặng*

Định tội danh theo cấu thành tăng nặng của tội cướp tài sản được quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 133 BLHS. Ngoài ra điều luật còn quy định một hình phạt bổ sung tại khoản 5 Điều 133 quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ một năm đến năm năm.*”

Đối với các bị cáo phạm tội theo khoản 2, 3 và 4 Điều 133 BLHS thì đã cấu thành đầy đủ các dấu hiệu của cấu thành tội phạm cơ bản được quy định tại khoản 1 Điều 133 BLHS. Tuy nhiên, căn cứ vào quy định tại các tình tiết cấu thành tăng nặng được quy định cụ thể trong điều luật thì cùng với từng hành vi phạm tội cụ thể, từng mức độ phạm tội cụ thể mà định tội danh tội cướp tài sản theo từng khung hình phạt tương ứng được quy định trong Điều 133 BLHS.

Qua khảo sát thực tế công tác định tội danh đối với tội cướp tài sản thuộc loại cấu thành tội phạm này thì thấy phần lớn các vụ án liên quan đến tội cướp tài sản tại tỉnh Quảng Ngãi thường rơi vào khoản 1 và 2 điều của điều 133 BLHS, còn khoản 3, 4 thì chiếm một tỷ lệ nhỏ.

Thực tiễn khảo sát tại tỉnh Quảng Ngãi, định tội danh theo khoản 2 Điều 133 BLHS có số đối tượng tập trung vào một số hành vi như phạm tội sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác, (chiếm khoảng 85%), tái phạm nguy hiểm (chiếm khoảng 15%). Về đối tượng và độ tuổi của các bị cáo bị xét xử theo khoản 2 chủ yếu tập trung vào độ tuổi từ 16 đến 28 tuổi. Căn cứ vào các quy định của nội dung quy định tại khoản 2, căn cứ các yếu tố cấu thành tội phạm thì rõ ràng phạm tội theo khoản 2 Điều 133 có tính rất nguy hiểm cho xã hội và mức độ gây hậu quả nghiêm trọng cũng lớn hơn. Hoạt động định tội danh của các cơ quan tiến hành tố tụng tại tỉnh Quảng Ngãi theo khoản 2 điều 133 BLHS là chính xác, đã xác định đúng, đầy đủ các chủ thể, hành vi phạm tội, mức độ thiệt hại và hậu quả gây ra của đối tượng và tuyên một mức án phù hợp với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

Ví dụ: Vào lúc 19 giờ, ngày 19/01/2015 Lê Công Sinh (1996), Võ Đình Hậu (1998) và Nguyễn Công Anh (1998) đang ngồi nhậu với nhau tại phòng trọ của chị Nguyễn Thị Kiều Linh; Sinh năm 1989 ở tổ 17, phường Chánh Lộ, Thành phố Quảng Ngãi gần trường Đại học Công nghiệp tại Quảng Ngãi do thiếu tiền trả tiền phòng, tiền ăn nên cả 3 nghĩ đến chuyện đi cướp tài sản để có tiền tiêu xài. Liên lúc đó Nguyễn Công Sinh đứng dậy lấy một con dao Thái lan, cán màu đen, dài 30 cm có sẵn ở tại phòng trọ, Võ Đình Hậu đứng dậy lấy một con dao Thái lan, cán màu vàng, dài 20 cm cũng ở phòng trọ. Sau đó cả 03 đối tượng trên rời khỏi phòng trọ Lê Đình Công điều khiển xe mô tô hiệu Dream mang biển số: 76M4-8266 chở Võ Đình Hậu ngồi giữa và Nguyễn Công Anh ngồi sau cùng đi về hướng Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa. Đi trên đường 3 đối tượng định giật túi xách của một nữ sinh nhưng do đoạn đường này đông người nên không dám thực hiện. Sau đó Võ Đình Hậu nói với Lê Công Sinh chở về hướng Nghĩa Phương trên đó vắng người để thực hiện, khi đến gần gò mã (thuộc thôn An Đại 2, xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa) Sinh dừng xe lại, Võ Đình Hậu và Nguyễn Công Anh nhảy xuống xe và núp vào phía gò mã ở gần đó.



Lúc này anh Nguyễn Văn Tiệm sinh năm 1973 ở thôn Năng Tây 1, xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa đang điều khiển xe mô tô mang biển số: 76E1- 079.23 trên đoạn đường thuộc thôn An Đại 2, xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa thì bị Lê Công Sinh dùng xe mô tô mang biển số: 76M4-8266 chắn ngang đường không cho anh Tiệm qua buộc anh Tiệm phải dừng lại, liền lúc đó Võ Đình Hậu, Nguyễn Công Anh núp ở gò mả gần đó nhảy ra đi về phía anh Tiệm. Lúc này Sinh kéo áo lên để lộ con dao dẫu trong người, Hậu rút con dao ra chỉ về phía anh Tiệm thì anh Tiệm bỏ xe ngã xuống đường chạy thoát. Hậu đến dựng chiếc xe của anh Tiệm và điều khiển, còn Sinh điều khiển xe mô tô 76M4-8266 chở Nguyễn Công Anh cả 03 đối tượng trên điều khiển 02 xe chạy về phòng trọ sau trường Đại học Công nghiệp tại Quảng Ngãi. Qua mấy ngày hôm sau Sinh, Hậu, Anh đem chiếc xe 76 ZE1- 079.23 bán cho Lâm Văn Nhung; sinh năm 1971 ở tổ dân phố 2, thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa với giá 5.000.000đ cùng chia nhau tiêu xài.

Tại Kết luận số 08/KL-HĐĐTGS ngày 27/01/2015 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Tư Nghĩa định giá chiếc xe 76 ZE1- 079.23 có giá trị là 12.600.000đ. Tại bản Cáo trạng Số: 29/QĐ-VKS ngày 05/10/2015 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa truy tố các bị cáo Lê Công Sinh, Võ Đình Hậu và Nguyễn Công Anh về tội “*Cướp tài sản*” theo điểm d Khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự. Tại bản án số 03/2015/HSST ngày 30/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định tuyên án các bị cáo Lê Công Sinh, Võ Đình Hậu và Nguyễn Công Anh phạm tội “*Cướp tài sản*” theo điểm d khoản 2 điều 133 Bộ luật hình sự: Quyết định: Áp dụng Điểm d khoản 3 Điều 133, điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46, Điều 47 và Điều 33 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Công Sinh 5 năm tù; Quyết định: Áp dụng Điểm d khoản 3 Điều 133, điểm b, p Khoản 1 Điều 46, Điều 69, Điều 74 và Điều 33 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Đình Hậu 3 (ba) năm tù; Quyết định: Áp dụng Điểm d khoản 3 Điều 133, điểm b, p Khoản 1 Điều 46, Điều 69, Điều 74 và Điều 60 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Công Anh 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 5 năm

kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Công Anh cho UBND xã Nghĩa Trung, huyện Tư Nghĩa để giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Qua nội dung vụ án này, tác giả thấy rằng các cơ quan tiến hành tố tụng đã định tội danh đúng đắn, đã căn cứ vào các yếu tố cấu thành tội phạm, căn cứ đầy đủ các quy định của BLTTHS, BLHS để định tội danh đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

Định tội danh theo khoản 3 và 4 Điều 133 BLHS cũng tương tự như các cấu thành tội phạm quy định tại khoản 2, định tội danh theo khoản 3 và khoản 4 Điều 133 BLHS cũng phải thỏa mãn đầy đủ các yếu tố của cấu thành tội phạm cơ bản của điều luật. Qua khảo sát tại tỉnh Quảng Ngãi trong năm năm từ năm 2011 đến năm 2015 thì tội cướp tài sản có 69 vụ và 200 bị cáo, số lượng đối tượng bị xét xử theo khoản 3 và 4 Điều 133 chiếm số lượng vụ án thì gần như là không có.

Có thể thấy rằng, tội “cướp tài sản” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có tỷ lệ vụ án và tỷ lệ số bị cáo tăng cao hơn rất nhiều so với tổng số vụ án, số bị cáo đã bị xét xử và chiếm tỷ lệ lớn trong số vụ án và số bị cáo trong nhóm tội xâm phạm sở hữu. Việc định tội danh của các cơ quan tiến hành tố tụng tại địa phương là chính xác, chưa có tình trạng định sai tội danh hoặc bỏ lọt tội phạm. Phần lớn tỷ lệ các vụ án “cướp tài sản” tại tỉnh Quảng Ngãi có kháng cáo phúc thẩm chỉ nhằm mục đích xin giảm hình phạt, chứ chưa có báo cáo nào thể hiện các bị cáo trong tội cướp tài sản kêu oan. Hoạt động định tội danh tại các cơ quan tiến hành tố tụng tại tỉnh Quảng Ngãi đối với tội cướp tài sản được thực hiện nghiêm túc dựa trên các quy định của pháp luật, không có trường hợp oan sai hay bỏ lọt tội phạm.

## **2.2. Thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội cướp tài sản tại tỉnh Quảng Ngãi**

Qua thực tiễn hoạt động quyết định hình phạt tại tỉnh Quảng Ngãi tác giả thấy rằng, trong tổng số các vụ án cướp tài sản đã bị xét xử tại tỉnh Quảng Ngãi trong 5 năm từ năm 2011 đến năm 2015 (với 69 vụ và 200 bị cáo) đã được xét xử thì hầu hết các vụ án “cướp tài sản” đều được các cơ quan có thẩm quyền xác định đúng tội danh và quyết định hình phạt phù hợp được nhân dân đồng tình.

Trước hết, quyết định hình phạt là việc Tòa án lựa chọn hình phạt buộc pháp luật hình sự nào xác định khái niệm quyết định hình phạt. Trong khoa học pháp lý hình sự đã có khá nhiều tác giả đưa ra khái niệm quyết định hình phạt. Đa số các tác giả cho rằng: *“Quyết định hình phạt là việc Tòa án lựa chọn loại hình phạt cụ thể bao gồm hình phạt chính và có thể cả hình phạt bổ sung với mức độ cụ thể trong phạm vi luật định để áp dụng cho người phạm tội”* [11].

Hoạt động quyết định hình phạt có các đặc điểm: Quyết định hình phạt là hoạt động thực tiễn của Tòa án (HĐXX) được thực hiện sau khi đã xác định xong tội danh; Quyết định hình phạt do Tòa án thực hiện trên cơ sở quy định của BLHS; Nội dung của quyết định hình phạt có thể là miễn trách nhiệm hình sự hoặc có thể là miễn hình phạt hoặc nếu Tòa án quyết định áp dụng hình phạt thì quyết định hình phạt bao gồm xác định khung hình phạt (có thể) và hình phạt cụ thể cho bị cáo; Quyết định hình phạt chỉ áp dụng đối với cá nhân người đó có hành vi phạm tội.

Trong pháp luật hình sự Việt Nam, các nguyên tắc quyết định hình phạt không được ghi nhận chính thức trong BLHS mà được thể hiện thông qua nội dung các quy phạm pháp luật hình sự. Các nguyên tắc quyết định hình phạt là một nội dung quan trọng của chính sách hình sự của Nhà nước ta và có ý nghĩa rất lớn trong việc quyết định hình phạt đúng đắn đối với người phạm tội. Nhận thức đúng các nguyên tắc quyết định hình phạt sẽ tạo tiền đề để quyết định hình phạt được đúng đắn. Sự khác nhau giữa các nguyên tắc quyết định hình phạt với các nguyên tắc của Luật hình sự chủ yếu là mức độ cụ thể hóa và tính đặc trưng. Cụ thể là các nguyên tắc quyết định hình phạt có tính cụ thể hóa cao hơn (chỉ định hướng cho việc quyết định hình phạt). Còn các nguyên tắc của Luật hình sự định hướng chung cho việc xây dựng và áp dụng Luật hình sự và đặc trưng cho mọi chế định của Luật hình sự.

Mặt khác, cũng cần phân biệt các nguyên tắc quyết định hình phạt với các căn cứ quyết định hình phạt. Các căn cứ quyết định hình phạt là những cơ sở pháp lý mà Tòa án phải dựa vào đó quyết định hình phạt được đúng đắn. Trong Luật hình sự Việt Nam, các căn cứ quyết định hình phạt được qui định trực tiếp trong Điều 45 BLHS. Đó là những căn cứ các quy định của BLHS, tính chất mức độ nguy hiểm

cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự. Còn các nguyên tắc quyết định hình phạt chỉ là những tư tưởng chỉ đạo mà Tòa án phải tuân thủ khi áp dụng các qui định của Luật hình sự để quyết định hình phạt và các căn cứ quyết định hình phạt đúng đắn đối với người phạm tội. Giữa các nguyên tắc quyết định hình phạt và các căn cứ quyết định hình phạt có mối liên hệ mật thiết với nhau. “*Các nguyên tắc quyết định hình phạt tồn tại ở các mặt này hay các mặt khác của các căn cứ quyết định hình phạt. Những căn cứ quyết định hình phạt là những biểu hiện, đòi hỏi cụ thể của các nguyên tắc quyết định hình phạt*” [47].

### **2.2.1. Kết quả**

*2.2.1.1. Thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội cướp tài sản theo cấu thành tội phạm cơ bản*

Từ những qui định tại khoản 1 Điều 133, thấy rằng định lượng hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 133 BLHS là từ: “*phạt từ ba năm đến mười năm*”. Có nghĩa là mức cao nhất của khung hình phạt là mười năm tù. Như vậy, tội cướp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 133 BLHS là loại tội phạm nghiêm trọng (Theo Điều 8 BLHS). Qua khảo sát từ thực tiễn của tỉnh Quảng Ngãi, thấy rằng các cơ quan tiến hành tố tụng đã áp dụng khá đầy đủ các quy định của BLHS, các văn bản hướng dẫn cụ thể để làm căn cứ quyết định hình phạt một cách hiệu quả. Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm và hành vi phạm tội cụ thể mà quyết định khung hình phạt tương ứng. Đối với khoản 1 Điều 133 BLHS, tại tỉnh Quảng Ngãi cung độ hình phạt của khoản này tập trung nhiều nhất trong khoản từ 2 đến 4 năm tù giam, cũng có một vài trường hợp hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Qua khảo sát tại tỉnh Quảng Ngãi thì thấy các vụ án cướp tài sản đã được xét xử thì đa số rơi vào khoản 1 điều 133, tài sản phạm tội có giá trị nhỏ, có tính nguy hiểm cho xã hội và quan trọng hơn là các đối tượng phạm tội tại khoản 1 điều 133 BLHS thường có nhân thân tốt, đã khắc phục được hậu quả thiệt hại vật chất gây ra do vậy việc quyết định hình phạt thường cũng theo xu hướng giảm nhẹ hơn so với mức độ, hành

vi phạm tội đã gây ra trên thực tế và trong một số trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm thường cho các bị cáo hưởng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo.

Theo hướng dẫn tại Nghị Quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/05/2006 [15] quy định Về việc quyết định hình phạt tù đối với người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội: “*Khi quyết định hình phạt tù đối với người chưa thành niên phạm tội thì cần thực hiện như sau: a. Xác định mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội như đối chưa thành niên phạm tội là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi thì hình phạt áp dụng đối với họ là 3/4 mức hình phạt áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội được xác định theo hướng dẫn tại điểm a tiểu mục 11.1 này; c. Trường hợp người chưa thành niên phạm tội là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thì hình phạt áp dụng đối với họ là 1/2 mức hình phạt áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội được xác định theo hướng dẫn tại điểm a tiểu mục 11.1 này*”

Ví dụ: Theo bản án hình sự sơ thẩm số 16/201/HSST ngày 13/12/2011 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi thì Triệu Công Danh, Phạm Hồng Lượng, Lê Tấn Linh, Đặng Phúc, Nguyễn Văn Phước, Phạm Văn Ánh, đều ở thôn Trung An, xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi là bạn bè quen biết với nhau. Khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 30/7/2010 Triệu Công Danh, Phạm Hồng Lượng, Lê Tấn Linh, Đặng Phúc, Nguyễn Văn Phước và Phạm Văn Ánh đến chơi và uống rượu tại nhà anh Đặng Tòng ở cùng thôn. Khoảng 19 giờ cùng ngày thì Nguyễn Văn Phước, Phạm Văn Ánh và Phạm Hồng Lượng ra về trước; đến khoảng 20 giờ thì Triệu Công Danh điều khiển xe mô tô 76X4-6167 (xe của chị ruột Danh) chở Lê Tấn Linh và Đặng Phúc cùng ra về. Trên đường đi, Triệu Công Danh nảy sinh ý định tìm các đôi nam, nữ ngồi tâm sự nơi vắng để đánh và chiếm đoạt tài sản, nên Danh đã gọi điện thoại di động cho Nguyễn Văn Phước và nói “*Bây giờ đi bắt của đôi không*”, thì Phước đồng ý. Sau đó Triệu Công Danh điều khiển xe mô tô chở Lê Tấn Linh và Đặng Phúc đi đến khu vực gần ngã tư Thiên Đàng thuộc thôn Trung An, xã Bình Thạnh thì gặp Nguyễn Văn Phước đang điều khiển xe mô tô 76L3- 1795 (xe của mẹ Phước) chở Phạm Văn Ánh và Phạm Hồng Lượng nên dừng

lại nói chuyện. Tại đây, Triệu Công Danh nói lại “*Bây giờ đi bắt cua đoi*” tất cả đều nghe, hiểu là Danh rủ cả bọn đi tìm các cặp nam, nữ tâm sự ở nơi vắng để đánh và chiếm đoạt tài sản. Nên tất cả đều đồng ý và cùng đi, lúc này Phạm Hồng Lượng điều khiển xe mô tô biển số 76L3- 1795 chở Nguyễn Văn Phước và Phạm Văn Ánh; Triệu Công Danh điều khiển xe mô tô 76X4-6167 chở Lê Tấn Linh và Đặng Phúc đi vòng các tuyến đường trong phân khu công nghiệp Sài Gòn- Dung Quất thuộc thôn Trung An, xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Khi đến đoạn đường bên hông phía Bắc xử lý nhà máy nước thải thì bọn chúng phát hiện anh Lê Văn Tư- sinh năm 1985 quê ở xã Sen Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình và chị Đặng Thị Lan- sinh năm 1987 có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 1, thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi đang ngồi tâm sự tại đây. Thấy nơi đây vắng vẻ, bọn chúng cho xe áp sát chỗ anh Lê Văn Tư và chị Đặng Thị Lan đang ngồi; lúc này Phạm Hồng Lượng đứng giữ xe và cảnh giới; còn lại Nguyễn Văn Phước, Phạm Văn Ánh, Lê Tấn Linh, Đặng Phúc xuống xe chạy đến dùng tay, chân đánh, đá uy hiếp tinh thần của anh Lê Văn Tư; Phạm Văn Ánh trực tiếp lấy của anh Tư số tiền 240.000đ để trong ví, Triệu Công Danh thấy chị Đặng Thị Lan bỏ chạy bộ vào bãi cát trống cạnh bên đó nên đuổi theo rồi dùng tay, chân đánh chị Lan và chiếm đoạt của chị Lan những tài sản gồm: 01 điện thoại di động hiệu Samsung E250; 01 sợi dây chuyền vàng 18K: 1,5 chỉ; 01 chiếc nhẫn vàng 18K: 0,5 chỉ. Sau khi chiếm đoạt xong, bọn chúng cùng nhau lên xe đi đến ngã ba Dốc Sỏi thuộc thôn Đông Bình, xã Bình Chánh, huyện Bình Sơn đổ xăng và uống nước sau đó về nhà ngủ.

Qua ngày hôm sau Triệu Công Danh và Đặng Phúc mang điện thoại di động hiệu Samsung E250 đem đi tiêu thụ (theo lời khai của Danh và Phúc thì đã đem đi bán chiếc điện thoại này cho một tiệm điện thoại tại khu vực ngã ba Dốc Sỏi thuộc thôn Đông Bình, xã Bình Chánh, huyện Bình Sơn được 300.000đ). Số tiền trên Nguyễn Văn Phước, Phạm Văn Ánh, Phạm Hồng Lượng chia nhau mỗi người 50.000đ, còn lại tất cả tiêu xài. Còn lại một chiếc nhẫn và sợi dây chuyền vàng thì Triệu Công Danh, Lê Tấn Linh và Đặng Phúc mang đến bán cho tiệm vàng “*Chuong*” do anh Đặng Văn Chương- sinh năm 1968 ở thôn Nam Bình 2, xã Bình

Nguyên, huyện Bình Sơn làm chủ tiệm được 650.000đ; số tiền này Triệu Công Danh, Lê Tấn Linh và Đặng Phúc tiêu xài chung.

Ngày 22/11/2010 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bình Sơn có kết luận định giá về những tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt cụ thể như sau: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung E250 trị giá 1.500.000đ; 01 sợi dây chuyền vàng 18K: 1,5 chỉ trị giá: 2.850.000đ; 01 chiếc nhẫn vàng 18K: 0,5 chỉ trị giá: 950.000đ. Tổng cộng: 5.300.000đ và 240.000đ tiền mặt của anh Lê Văn Tư.

Tại bản cáo trạng số 59/CT-VKS, ngày 31/10/2011 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố Triệu Công Danh, Phạm Hồng Lượng, Lê Tấn Linh, Đặng Phúc, Nguyễn Văn Phước, Phạm Văn Ánh đều về tội “*cướp tài sản*” theo khoản 1 Điều 133 BLHS. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 16/201/HSST ngày 13/12/2011 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tuyên bố các bị cáo Triệu Công Danh, Phạm Hồng Lượng, Lê Tấn Linh, Đặng Phúc, Nguyễn Văn Phước, Phạm Văn Ánh đều phạm tội “*cướp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 133, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47 và Điều 33 BLHS. Xử phạt Triệu Công Danh 30 (ba mươi) tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 133, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47 và Điều 33 BLHS. Xử phạt Phạm Hồng Lượng 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 133, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47 và Điều 33 BLHS. Xử phạt Lê Tấn Linh 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 133, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47 và Điều 33 BLHS. Xử phạt Đặng Phúc 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 133, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47 và Điều 69, khoản 1 Điều 74 và Điều 60 BLHS. Xử phạt Nguyễn Văn Phước 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo. Áp dụng khoản 1 Điều 133, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47 và Điều 69, khoản 1 Điều 74 và Điều 60 BLHS. Xử phạt Phạm Văn Ánh 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo.

Qua quá trình nghiên cứu bản án này, ta thấy rằng hoạt động quyết định hình phạt của các cơ quan tiến hành tố tụng địa phương đã áp dụng đầy đủ các quy định của BLHS, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xem xét phân loại hành vi phạm tội của từng bị cáo để quyết định một mức hình phạt tương

xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bên cạnh đó có hai bị cáo là người chưa thành niên phạm tội nên cơ quan tiến hành tố tụng đã áp dụng đầy đủ các quy định của BLHS và các văn bản hướng dẫn để quyết định hình phạt cho hai bị cáo trên.

#### 2.2.1.2. Thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội cướp tài sản theo khoản 2 Điều 133 BLHS

Từ quy định tại khoản 2 Điều 133 và thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội cướp tài sản thấy rằng hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 133 là từ: “*Phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm*”. Như vậy, mức cao nhất của khung hình phạt này là mười lăm năm tù. Cho nên, tội cướp tài sản được quy định tại khoản 2 Điều 133 là loại tội phạm rất nghiêm trọng (Theo Điều 8 BLHS).

Khảo sát việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 133 BLHS tại tỉnh Quảng Ngãi thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm ngoài việc xác định tội phạm thỏa mãn các dấu hiệu cấu thành cơ bản thì những tình tiết định khung tăng nặng của điều luật, cụ thể:

- Trường hợp phạm tội cướp tài sản “*Có tổ chức*” là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm (khoản 3 Điều 20 BLHS). Đây là hình thức tội phạm đặc biệt của đồng phạm, nó mang đầy đủ dấu hiệu của đồng phạm nhưng có tính nguy hiểm cao hơn hình thức đồng phạm thông thường. Chính vì vậy tình tiết “*phạm tội có tổ chức*” được điều luật quy định là một tình tiết định khung tăng nặng.

- Trường hợp phạm tội cướp tài sản “*có tính chất chuyên nghiệp*” được hiểu là trường hợp người phạm tội thực hiện hành vi lặp đi lặp lại nhiều lần, coi việc phạm tội như là cách để tồn tại, sử dụng những tài sản do mình có được từ việc phạm tội là nguồn thu nhập chính hoặc duy nhất.

- Phạm tội cướp tài sản thuộc trường hợp “*tái phạm nguy hiểm*”. Khoản 2 Điều 49 BLHS quy định những trường hợp sau được gọi là “*tái phạm nguy hiểm*” gồm: Đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích lại phạm tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng do cố ý; Đã tái phạm



chưa được xóa án tích lại phạm tội do cố ý hoặc phạm tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng do vô ý. Đối với người đã “ tái phạm nguy hiểm” mà lại có hành vi cướp tài sản thì hành vi này đã cấu thành tội phạm, tình tiết “*tái phạm nguy hiểm*” là tình tiết định khung tăng nặng.

- Trường hợp phạm tội cướp tài sản “*Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác*” được hiểu là trường hợp người phạm tội thực hiện sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác đối với người bị hại được coi như là một trường hợp phạm tội cướp tài sản có tính chất và mức độ nguy hiểm hơn người phạm tội không sử dụng vũ khí, sử dụng phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác đối với người bị hại. Thủ đoạn nguy hiểm khác quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 BLHS là ngoài các trường hợp sử dụng vũ khí, phương tiện nguy hiểm để thực hiện việc cướp tài sản, người phạm tội có thể dùng thủ đoạn khác nguy hiểm đối với người bị tấn công hoặc những người khác như sử dụng thuốc ngủ, thuốc mê với liều lượng có thể nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của nạn nhân; đầu độc nạn nhân; nhốt nạn nhân vào nơi nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe; dùng dây chằng qua đường để làm cho nạn nhân đi mô tô, xe máy vấp ngã để cướp tài sản...

Ví dụ: Nghiên cứu bản án số 42/2011/HSST ngày 16/12/2011 của Tòa án nhân dân Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xác định Trần Nhật Huy khai nhận: khoảng 21 giờ ngày 24/9/2008, Bùi Văn Tùng, Hồ Thanh Bình và Trần Nhật Huy rủ nhau đi cướp tài sản. Bình điều khiển xe mô tô 76X8- 3657 (xe của gia đình Bình) chở Tùng và Huy về nhà Tùng lấy 02 con dao Thái Lan và khẩu trang. Sau đó Bình chở Tùng và Huy đến kênh mương N6 thuộc phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi thì thấy ông Nguyễn Đăng Khoa và bà Nguyễn Thị Mộng Thúy đang ngồi tâm sự. Bình dừng xe lại chờ, còn Tùng và Huy bịt khẩu trang, dùng dao đến khống chế, đe dọa lấy của ông Khoa, bà Thúy 01 điện thoại di động LG, 01 điện thoại di động Samsung J600, 01 dây chuyền vàng 18K trọng lượng 02 chỉ, 90.000đ tiền mặt rồi tẩu thoát. Số tài sản trên Tùng, Bình và Huy đã bán tiêu xài hết. Theo kết quả định giá thì tổng giá trị tài sản mà Tùng, Bình và Huy cướp được là 5.590.000đ. Bản cáo

trạng số 589/KSĐT ngày 24/10/2011 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi truy tố bị cáo Trần Nhật Huy về tội “*cướp tài sản*” theo điểm c, d khoản 2, Điều 133 BLHS. Những lời nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng, lời khai của người bị hại, những tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa. Huy là người có đủ năng lực hành vi đã cùng Tùng dùng dao không chế, đe dọa ông Nguyễn Đăng Khoa và bà Nguyễn Thị Mộng Thúy ở nơi vắng người.

Bùi Văn Tùng và Hồ Thanh Bình đã bị Tòa án xét xử và kết án vào năm 2009. Riêng Trần Nhật Huy sau khi gây án bỏ trốn, bị Công an Thành phố Quảng Ngãi ra lệnh truy nã. Trong thời gian trốn tại Đà Nẵng, Huy có hành vi trộm cắp tài sản bị Tòa án nhân dân Quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng kết án 24 tháng tù, đang chấp hành án tại trại giam Nghĩa An, Cam Lộ, Quảng Trị, bị trích xuất về Quảng Ngãi để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử. Năm 2004, bị cáo Trần Nhật Huy đã bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng kết án 05 năm tù về tội rất nghiêm trọng là “*cướp tài sản*” theo khoản 1 Điều 133 BLHS. Đến tháng 3/2008 chấp hành xong bản án, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội là trường hợp tái phạm nguy hiểm theo điểm c khoản 2 Điều 133 BLHS. Hành vi của Huy rất nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương, sau khi gây án bỏ trốn, trong thời gian trốn lại phạm tội trộm cắp tài sản bị xử phạt tù, do vậy cần phải bị xử phạt nghiêm để răn đe người phạm tội và phòng ngừa chung cho xã hội. Trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo Huy đã thành khẩn khai báo, gia đình bị cáo cũng đã khắc phục hậu quả bằng việc bồi thường xong cho người bị hại đây là tình tiết để giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 BLHS. Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử quyết định tuyên bố bị cáo Trần Nhật Huy phạm tội “*cướp tài sản*”. Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 BLHS xử phạt bị cáo Trần Nhật Huy 08 (tám) năm tù. Áp dụng Điều 50, 51 BLHS tổng hợp hình phạt đã tuyên đối với bị cáo và hình phạt 24 tháng tù của Trần Nhật Huy tại bản án hình sự sơ thẩm số 53/2010/HSST ngày 08/9/2010 của Tòa án nhân dân Quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Bị cáo Trần Nhật Huy phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 10 (mười) năm tù. Thời

gian tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, được trừ thời gian chấp hành hình phạt tù của bản án trước từ ngày 07/5/2010 đến ngày 16/12/2011.

Tại khoản 2 điều 133 BLHS quy định những tình tiết định khung tăng nặng thể hiện tính nguy hiểm cao, song điều luật này không quy định tình tiết “phạm tội nhiều lần” là tình tiết định khung tăng nặng. Đây là tình tiết phản ánh đặc điểm xấu của nhân thân người phạm tội, đã quy định là tình tiết định khung tăng nặng của nhiều tội trong BLHS 1999. Đối với tội cướp tài sản, trong thực tế có nhiều trường hợp chiếm đoạt tài sản nhiều lần, mỗi lần đều thỏa mãn mặt cấu thành tội phạm nhưng chưa thỏa mãn các tình tiết khác như “tái phạm nguy hiểm”, “phạm tội có tổ chức”, vì vậy điều luật nên quy định tình tiết “phạm tội nhiều lần” là tình tiết định khung tăng nặng. Tuy nhiên, trong 5 năm qua tại tỉnh Quảng Ngãi số vụ án với những trường hợp đặc biệt như “đồng phạm”, “phạm tội có tổ chức” xảy ra không nhiều, nên quyết định hình phạt cho loại tội này cũng không có.

Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 01/2006 [15], quy định tình tiết phạm tội “Có tính chất chuyên nghiệp” được hướng dẫn coi là phạm tội “có tính chất chuyên nghiệp” khi cố ý phạm tội từ năm lần trở lên về cùng một tội phạm không phân biệt đã truy cứu TNHS hay chưa, nếu chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS hoặc chưa được xóa án tích và người phạm tội đều lấy các lần phạm tội làm nghề sống, lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính. Nghị quyết còn hướng dẫn đối với các trường hợp phạm tội từ năm lần trở lên trong đó có lần đã bị kết án chưa được xóa án tích thì tùy trường hợp họ có thể bị áp dụng cả tình tiết “phạm tội nhiều lần”, “tái phạm” hoặc “ tái phạm nguy hiểm”. Trong những năm qua, Tòa án nhân dân các cấp tại tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện tốt hoạt động quyết định hình phạt theo khoản này rất chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật, mặc dù có lượng án lớn tuy nhiên đã không để xảy ra sai sót trong quyết định hình phạt.

#### *2.2.1.3. Thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội cướp tài sản theo khoản 3, 4 Điều 133 BLHS*

Qua khảo sát thực tế tại tỉnh Quảng Ngãi, hoạt động quyết định hình phạt theo khoản 3, 4 Điều 133 BLHS đã được Tòa án các cấp áp dụng rất chặt chẽ, căn cứ vào các

tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 của điều luật và áp dụng nội dung hướng dẫn tại Thông tư 02/2011 để áp dụng đối với các trường hợp phạm tội “Gây hậu quả rất nghiêm trọng” và “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng”.

Theo Thông tư số 02/2001 quy định thuộc một trong các trường hợp sau thì được xem là “hậu quả rất nghiêm trọng”: “*Làm chết hai người; Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của ba đến bốn người với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 61 % trở lên; Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của năm đến bảy người với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 31% đến 60%; Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nhiều người với tổng tỷ lệ thương tật của tất cả những người này từ 101% đến 200%, nếu không thuộc một trong các trường hợp được hướng dẫn tại các điểm b.2 và b.3 trên đây; Gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng đến dưới một tỷ năm trăm triệu đồng; Gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và tài sản mà hậu quả thuộc hai đến ba điểm từ điểm a.1 đến điểm a.6 tiểu mục 3.4 này*”.

Thuộc một trong các trường hợp sau đây thì “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng”: “*Làm chết ba người trở lên; Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của năm người trở lên với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 61% trở lên; Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của tám người trở lên với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 31 % đến 60% ; Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nhiều người với tổng tỷ lệ thương tật của tất cả những người này từ 201% trở lên, nếu không thuộc một trong các trường hợp được hướng dẫn tại các điểm c.2 và c.3 trên đây; Gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ một tỷ năm trăm triệu đồng trở lên; Gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và tài sản mà hậu quả thuộc bốn điểm trở lên từ điểm a.1 đến điểm a.6 tiểu mục 3.4 này; Gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và tài sản mà hậu quả thuộc hai điểm trở lên từ điểm b.1 đến điểm b.6 tiểu mục 3.4 này*”.

Thực tiễn khảo sát tại tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian qua, tác giả thấy rằng trong thời gia gần đây, các tội xâm phạm sở hữu nói chung và tội phạm cướp tài sản nói riêng đã có những diễn biến hết sức phức tạp, cùng với sự liêu lĩnh, sự chuẩn bị

hoạt động phạm tội để thực hiện hành vi cướp tài sản ngày càng chuyên nghiệp. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả hoạt động quyết định hình phạt, BLHS không chỉ quy định hình phạt chính mà còn quy định hình phạt bổ sung có thể được áp dụng đối với người phạm tội, sau đây chúng ta cùng tìm hiểu về hình phạt bổ sung có thể áp dụng đối với người phạm tội cướp tài sản.

#### *2.2.1.4 Thực tiễn quyết định hình phạt bổ sung được áp dụng đối với tội cướp tài sản theo khoản 5 Điều 133 BLHS*

Theo Luật hình sự Việt Nam, hình phạt bổ sung là hình phạt được Tòa án tuyên kèm với hình phạt chính, có tác dụng hỗ trợ và nâng cao hiệu quả áp dụng của hình phạt chính. Đối với tội cướp tài sản, BLHS 1999 quy định hình phạt bổ sung và hình phạt chính ngay trong cùng điều luật, khoản 5 Điều 133 BLHS quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, quản chế hoặc cấm cư trú từ 1 năm đến 5 năm*”.

Phạt tiền là hình phạt nhằm tước đi lợi ích vật chất của người phạm tội sung công quỹ Nhà nước. Đối với tội cướp tài sản, việc quy định hình phạt tiền, tịch thu tài sản một phần hay toàn bộ, quản chế hoặc cấm cư trú là hình phạt bổ sung có thể áp dụng với người phạm tội là hợp lý, góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm bởi vì mục đích của người phạm tội cướp tài sản là chiếm đoạt tài sản của người khác, biến nó thành tài sản của mình, nhằm mang lại vật chất nhất định cho mình, do đó khi áp dụng những hình phạt trên sẽ đánh trực tiếp vào lợi ích vật chất và quyền tự do của người phạm tội từ đó có tác dụng răn đe ngăn ngừa họ phạm tội mới. BLHS 1999 đã quy định hình phạt tiền là hình phạt chính trong nhiều tội phạm, trong tình hình hiện nay việc mở rộng khả năng áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính là một biện pháp nâng cao hiệu quả áp dụng của hình phạt, đảm bảo lợi ích chung của xã hội, nếu áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính mà vẫn đảm bảo được sự nghiêm minh của pháp luật thì cần áp dụng phổ biến để giảm tải tình trạng quá tải của hệ thống nhà tù, trại cải tạo. Vì vậy, BLHS nên quy định hình phạt tiền là hình phạt chính được áp dụng với người phạm tội cướp tài sản, song cần quy định rõ phạm vi trường hợp áp dụng và mức phạt tối thiểu, tối đa để tránh áp dụng

tùy tiện, tạo tâm lý xem thường pháp luật cho rằng người có tiền thì được nộp tiền thay cho việc chấp hành hình phạt; Đồng thời quy định trách nhiệm của người phạm tội phải nộp tiền một lần để đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật. Thực tiễn tại tỉnh Quảng Ngãi việc áp dụng hình phạt bổ sung kèm theo hầu như là không có.

Thực tiễn quyết định hình phạt tại tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian từ năm 2011 đến 2015 việc quyết định khung hình phạt đối với tội cướp tài sản thường là xử phạt ở mức đầu của khung hình phạt hoặc dưới mức của khung hình phạt, hơn nữa việc áp dụng hình phạt cho hưởng án treo cũng diễn ra khá phổ biến ở loại tội này và chủ yếu áp dụng cho vị thành niên. Cho nên pháp luật hình sự và các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự cần chú trọng đến hướng dẫn chặt chẽ điều kiện cho hưởng án treo đối với người phạm tội, nhằm hạn chế tình trạng xử phạt tù cho hưởng án treo đang bị lạm dụng áp dụng tràn lan, trong khi đó tình hình tội cướp tài sản tại tỉnh Quảng Ngãi ngày càng nhiều, tinh vi, liều lĩnh và diễn biến hết sức phức tạp.

### **2.3. Những hạn chế, nguyên nhân vi phạm, sai sót trong áp dụng quy định đối với tội cướp tài sản**

Theo kết quả nghiên cứu gần 60 bản án hình sự có hiệu lực pháp luật của ngành tòa án về các vụ án cướp tài sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi thì tác giả nhận thấy:

Thứ nhất: Hệ thống pháp luật hình sự và các văn bản hướng dẫn thi hành BLHS Việt Nam, trong đó có tội cướp tài sản còn chưa thật đầy đủ, từ đó dẫn đến xác định không chính xác tội danh, chẳng hạn Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT ngày 25/2/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định trong Chương XIV - Các tội xâm phạm sở hữu của BLHS năm 1999 đã từ rất lâu vẫn chưa có văn bản thay thế; hàng loạt các dấu hiệu “*gây hậu quả nghiêm trọng*” (điểm g khoản 2); “*gây hậu quả rất nghiêm trọng*” (điểm c khoản 3); “*gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng*” (điểm c khoản 4 Điều 133 BLHS) đòi hỏi có hướng dẫn cụ thể hơn; v.v...

Thứ hai: Trong quá trình xét xử, có Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy

định tại điểm p khoản 1 điều 46 BLHS) là hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong khi đó chưa có văn bản pháp luật thống nhất áp dụng điểm p khoản 1 điều 46 BLHS là hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, dẫn đến việc quyết định hình phạt chưa tương xứng với hành vi phạm tội. Các cơ quan truy tố, xét xử chưa chú trọng tới việc xác định nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm và nhân thân người phạm tội cướp tài sản để kịp thời kiến nghị khắc phục và phòng ngừa. Đây là một điểm hết sức hạn chế của cơ quan truy tố, xét xử. Việc quyết định hình phạt phải căn cứ vào các quy định như: quy định của BLHS, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự (Điều 45 BLHS) để xác định và đánh giá đầy đủ các yếu tố về mặt khách quan, chủ quan trong đó có nhân thân người phạm tội để quyết định hình phạt. Tuy nhiên, thông thường các cơ quan này chỉ nặng quan tâm nhân thân người phạm tội dưới góc độ như: tiền án, tiền sự mà không quan tâm đến các yếu tố khác, đồng thời cho rằng những đặc điểm khác nhau về nhân thân chỉ là tình tiết phụ như: hoàn cảnh gia đình, nghề nghiệp, văn hóa, cha, mẹ, đời sống kinh tế... trong khi đó, có nhiều vụ án thì những tình tiết yếu tố nhân thân này lại là nguyên nhân dẫn đến tội phạm. Trong xét xử, do chưa đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cướp tài sản nên còn hiện tượng xử phạt nhẹ dưới khung hình phạt điều này đã làm hạn chế hiệu quả của việc xét xử trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Thứ ba: Hạn chế trong các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội cướp tài sản có tổ chức. Trong 5 năm từ năm 2011 đến năm 2015 tình hình tội cướp tài sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có diễn biến khá phức tạp. Số vụ của hai năm 2011, 2012 tội cướp tài sản tăng cao nhưng sang những năm 2013, 2014, 2015 tình hình tội phạm tuy có giảm xuống qua từng năm; và số lượng bị cáo cũng giảm theo các năm. Tuy nhiên, nếu so ra số bị cáo tương ứng với số vụ của từng năm lại tăng cao, tuy ít vụ án hơn nhưng số bị cáo lại tăng nhiều hơn trong một vụ án. Như vậy, những vụ án về sau có xuất hiện hiện

tượng băng, nhóm..., có tổ chức, có đồng phạm, có tính chuyên nghiệp ngày càng gia tăng.

Thứ tư: Do một số rất ít cán bộ, thẩm phán có chuyên môn, nghiệp vụ chưa vững nên nhận thức còn chưa chính xác về các dấu hiệu pháp lý của cấu thành tội phạm của tội phạm cụ thể về sở hữu được quy định trong BLHS, áp dụng văn bản hướng dẫn chưa đầy đủ. Cụ thể, nhận thức về hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc trong tội cướp tài sản với đe dọa dùng vũ lực trong tội cưỡng đoạt tài sản; v.v...

Một hạn chế nữa là tội cướp tài sản là tội được xếp và nhóm có hành vi hết sức nguy hiểm đối với xã hội, tuy nhiên nếu phải chú trọng việc xét xử lưu động loại vụ án này thì hầu hết đều có tình tiết tăng nặng nhằm răn đe tội phạm đến nhân dân do vậy quyết định hình phạt cũng cao hơn so với mức đáng lẽ ra được nhận; bên cạnh đó xét xử lưu động nhằm thông qua giáo dục cho người dân cũng không đạt kết quả cao, dẫn đến tội phạm ngày càng tăng, tội phạm của loại tội này sau thời gian chấp hành hình phạt tù quay trở về tái hòa nhập cộng đồng con mắt cảm với cộng đồng nên dễ dẫn đến tái phạm.

## **Kết luận chương 2**

Trên cơ sở những vấn đề lý luận về tội cướp tài sản, trong chương 2, luận văn đã tập trung giải quyết những vấn đề thực tiễn như: thực tiễn định tội danh tội cướp, thực tiễn quyết định hình phạt tội cướp tài sản, nguyên nhân vi phạm, sai sót trong áp dụng quy định đối với tội cướp tài sản. Từ việc nghiên cứu thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt cho thấy còn có những hạn chế, bất cập trong việc định tội danh và quyết định hình phạt.

Tóm lại, áp dụng áp dụng quy định về tội cướp tài sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi thời gian qua đã có những đổi mới nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động này. Nhưng bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn những tồn tại, hạn chế cần có hướng khắc phục trong giai đoạn tiếp theo. Những đánh giá về kết quả cũng như những tồn tại, yếu kém trong chương này sẽ là căn cứ thực tiễn quan trọng cho việc xác định các phương hướng và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng quy định về tội cướp tài sản trong thời gian tới.



## CHƯƠNG 3

# GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG QUY ĐỊNH VỀ TỘI CƯỚP TÀI SẢN

### **3.1. Sự cần thiết của việc nâng cao hiệu quả áp dụng quy định về tội cướp tài sản**

#### ***3.1.1. Về phương diện chính trị - xã hội***

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản năm 2011 đã đề ra: Đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, xây dựng hệ thống tư pháp trong sạch, vững mạnh, bảo vệ công lý, tôn trọng và bảo vệ quyền con người. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về hình sự, dân sự, thủ tục tố tụng tư pháp và về tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp, bảo đảm tính khoa học, đồng bộ, đề cao tính độc lập, khách quan, tuân thủ pháp luật của từng cơ quan và chức danh tư pháp... [6,tr.250]. Ngoài ra, Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 về “*Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*” của Bộ Chính trị đã quy định các nhiệm vụ cải cách tư pháp. Đặc biệt, Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 “*Về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*” đã thể hiện rất rõ vai trò lãnh đạo của Đảng trong việc đưa ra chủ trương, đường lối và chính sách hình sự. Theo đó, Nghị quyết xác định quan điểm chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật: “*Hoàn thiện hệ thống pháp luật về đấu tranh phòng, chống tội phạm...phát huy sức mạnh của toàn xã hội trong việc phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm. Hoàn thiện chính sách hình sự...*” [4, Mục 5]; v.v... Vì vậy, hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam về tội cướp tài sản chính là đáp ứng yêu cầu chính trị- xã hội trong việc bảo đảm ổn định trật tự, an toàn xã hội và bình yên cho nhân dân.

#### ***3.1.2. Về phương diện lý luận và thực tiễn***

Mặc dù không có nhiều tồn tại, hạn chế trong việc định tội danh và quyết định hình phạt của TAND tỉnh Quảng Ngãi (đã phân tích trong Chương 2 luận văn này).

Tuy nhiên, nếu cố gắng tới mức thấp nhất hạn chế này cũng sẽ góp phần quan trọng trong việc giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội, đồng thời bảo vệ một cách vững chắc các quyền và tự do của công dân bằng pháp luật hình sự, bảo đảm hiệu lực và hiệu quả của hình phạt, cũng như pháp chế xã hội chủ nghĩa, cũng như uy tín của Tòa án và các cơ quan bảo vệ pháp luật được nâng lên rõ rệt. Do đó, việc hoàn thiện quy định của BLHS Việt Nam về tội cướp tài sản và các văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật cũng chính là góp phần bảo đảm việc định tội danh và quyết định hình phạt của Tòa án được công bằng, chính xác và đúng pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội. Ngoài ra, trong giai đoạn cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền, đặc biệt là triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013 (Điều 102) đòi hỏi Tòa án với tư cách cơ quan *xét xử* của nước CHXHCN Việt Nam, thực hiện *quyền tư pháp* phải có những phán quyết chính xác, công bằng thể hiện ở việc định tội danh đúng và quyết định hình phạt chính xác. Nói một cách khác, *“một nguyên tắc khác của ý tưởng chế độ pháp trị là phải bảo đảm sự bảo vệ của pháp luật, mọi công dân phải được phép yêu cầu thực hiện các quyền của mình tại Tòa án”*. Cụ thể hóa nội dung này, trong quá trình áp dụng của TAND bước đầu đã đạt được hiệu quả cao trong việc bảo đảm giải quyết vụ án được chính xác, xử lý đúng người, đúng pháp luật, không oan, sai và đặc biệt là đúng tội danh. Qua đó, thực hiện tốt khoản 3 Điều 102 Hiến pháp năm 2013 khi quy định: *“Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân”* [22, tr.72]. Tuy nhiên, để giải quyết đúng đắn và chính xác vấn đề định tội danh để bảo đảm quyết định hình phạt đúng, cũng như thẩm quyền xét xử đúng thì việc nâng cao chất lượng định tội danh và quyết định hình phạt là một đòi hỏi đặt ra cho mỗi cán bộ tiến hành tố tụng, đặc biệt là Thẩm phán.

### ***3.1.3. Về phương diện lập pháp hình sự***

Hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam về tội cướp tài sản chính là từng bước khắc phục hết một số tồn tại trong việc định tội danh và quyết định hình phạt đối

với tội cướp tài sản của TAND tỉnh Quảng Ngãi, từ đó nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác định tội danh và quyết định hình phạt có ý nghĩa về phương diện lập pháp hình sự. Trong quá trình xét xử, Tòa án hai cấp chưa làm tốt công tác phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, vai trò của một số Hội thẩm vẫn còn hạn chế, trình độ nghiệp vụ của một vài Thẩm phán chưa đáp ứng yêu cầu của thực tế nên vẫn còn trường hợp Tòa án áp dụng chưa chính xác điều, khoản của BLHS, chưa đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật, việc định tội danh chưa thực sự phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, mà một trong những nguyên nhân là năng lực, trình độ và nguyên nhân do hệ thống văn bản pháp luật hình sự (trong đó có BLHS và các văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật chưa hoàn thiện). Vì những lý do nêu trên, cần thiết phải nâng cao hiệu quả quy định đối với tội cướp tài sản đòi hỏi không chỉ hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự để có căn cứ pháp lý chặt chẽ và thống nhất khi định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội cướp tài sản, cũng như có các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng của việc định tội danh và quyết định hình phạt.

### **3.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định về tội cướp tài sản**

#### **3.2.1. Giải pháp về pháp luật**

Tại Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 “*Về chiến lược cải cách công tác tư pháp đến năm 2020*” Bộ Chính trị đã khẳng định Tòa án là khâu trung tâm của quá trình cải cách, xét xử - định tội danh và quyết định hình phạt là khâu trọng tâm của toàn bộ hoạt động tư pháp bởi vì thực chất hiệu quả của hoạt động tư pháp thể hiện chủ yếu ở hoạt động xét xử, ở bản án hay quyết định của Tòa án, nếu án đúng thấy ngay kết quả, nếu án sai là hoạt động không có hiệu quả. Các hoạt động khác của tiến trình tư pháp như điều tra, kiểm sát, truy tố... nếu có sai phạm vẫn có thể khắc phục được và ít để lại hậu quả nhưng nếu xét xử sai, hậu quả để lại rất lớn và đôi khi không thể nào khắc phục được, khó phục hồi nguyên trạng như trước.

Xây dựng và hoàn thiện pháp luật là một việc làm thường xuyên và không bao giờ có điểm dừng tuyệt đối. Để hạn chế vi phạm pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án cướp tài sản, cần nghiên cứu sửa đổi một số quy định về hình phạt như sau:

Luật hiện hành đã có sự điều chỉnh lớn khi ban hành BLHS năm 1999 nhưng vẫn còn một số điều khoản có khung hình phạt khá rộng, chính vì vậy, cần rà soát các điều luật, các khung hình phạt để sửa đổi sao cho các khung hình phạt của tội cướp tài sản không nên quá rộng, tránh tình trạng tùy tiện trong hoạt động xét xử. Mỗi khung hình phạt chỉ nên quy định thời hạn xử phạt tối đa cho một tội. Khi bản thân các quy định của luật hình sự đã phân nhỏ mức hình phạt thì việc vận dụng để giải quyết các vụ án về tội cướp tài sản sẽ thuận lợi và chính xác hơn.

Như vậy, từ việc đánh giá thực tiễn áp dụng quy định đối với tội cướp tài sản, chỉ ra một số tồn tại, hạn chế và các nguyên nhân cơ bản, rõ ràng việc tiếp tục đề xuất sửa đổi, bổ sung cụ thể về tội phạm này là cần thiết.

Do đó, trên cơ sở nghiên cứu lý luận về tội cướp tài sản trong Chương 1, áp dụng quy định tội cướp tài sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong Chương 2 theo BLHS 1999, định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội cướp tài sản, trước hết cần hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam do đó, chúng tôi đưa ra đề xuất, sửa đổi để pháp luật hình sự Việt Nam ngày càng hoàn thiện hơn nhất là BLHS 2015.

Thứ nhất: Điều 133 BLHS Việt Nam về tội cướp tài sản cần sửa đổi, bổ sung như sau: Để bảo đảm tương xứng trong tương quan với tội hiếp dâm (Điều 111) với các dạng hành vi “*dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc...*”, cũng như *bảo đảm* sự gói khung giữa các khung hình phạt của Điều 133 BLHS, do đó, cần sửa khoản 1 “thì bị phạt tù từ ba năm đến *bảy năm*” (trước là đến mười năm); còn khoản 2 là “*từ bảy năm đến mười lăm năm*”; Khoản 2 nên bổ sung thêm tình tiết tăng nặng định khung hình phạt “*Đối với trẻ em*” để tăng cường đấu tranh và xử lý nghiêm minh, kịp thời hành vi cướp tài sản đối với người bị hại là trẻ em.

Điểm a khoản 1 Điều 104 BLHS về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác quy định tình tiết “*Dùng hung khí nguy hiểm...*”; còn điểm d khoản 2 Điều 133 BLHS về tội cướp tài sản lại quy định tình tiết “*Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác*”. Theo Đại từ điển tiếng Việt, “*dùng*” được hiểu là: “*sử dụng, đem ra để làm gì*” [23, tr.436]. Do đó, cần thống nhất là “*Dùng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm*” trong điểm d khoản 2

Điều 133 BLHS để xử lý răn đe các trường hợp phạm tội. Bổ sung cụm từ “*khác*” sau hàng loạt các tình tiết định khung “*Gây hậu quả nghiêm trọng*” (điểm g khoản 2); “*Gây hậu quả rất nghiêm trọng*” (điểm c khoản 3) và “*Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng*” (điểm c khoản 4 Điều 133 BLHS).

Thứ hai: Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT/TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/2/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định trong Chương XIV - Các tội xâm phạm sở hữu của BLHS năm 1999 đã được ban hành từ rất lâu vẫn chưa có văn bản thay thế; trong đó hàng loạt các dấu hiệu “*gây hậu quả nghiêm trọng*” (điểm g khoản 2); “*gây hậu quả rất nghiêm trọng*” (điểm c khoản 3); “*gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng*” (điểm c khoản 4 Điều 133 BLHS) đòi hỏi có hướng dẫn cụ thể hơn. Do đó, theo chúng tôi, trước hết cần giải thích thống nhất như sau:

“*Gây hậu quả nghiêm trọng*” (điểm g khoản 2 Điều 133 BLHS) được hiểu như sau: Đây là hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi phạm tội và nhân quả. Hậu quả nghiêm trọng được hiểu là thiệt hại về tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng. Hậu quả là gây thiệt hại về tài sản nhưng không phải là giá trị tài sản bị chiếm đoạt mà là những thiệt hại về tài sản xảy ra ngoài giá trị tài sản bị chiếm đoạt.

“*Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng*” (điểm c khoản 4 Điều 133 BLHS) được hiểu như sau: Đây là trường hợp gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ một tỷ 500 triệu đồng trở lên. Hậu quả là gây thiệt hại về tài sản nhưng không phải là giá trị tài sản bị chiếm đoạt mà là những thiệt hại về tài sản xảy ra ngoài giá trị tài sản bị chiếm đoạt.

### **3.2.2. Giải pháp tổng kết thực tiễn áp dụng tội cướp tài sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

#### **3.2.2.1. Thường xuyên tổng kết, rút kinh nghiệm những vụ án cướp tài sản phức tạp, có phương pháp, thủ đoạn mới, hình thức phạm tội mới**

Khi phát hiện những vụ án phức tạp, có vướng mắc mà văn bản pháp luật chưa điều chỉnh đến hoặc những tội phạm có phương thức, thủ đoạn phạm tội mới, hay

những trường hợp khó khăn trong việc định tội danh và quyết định hình phạt... thì thủ trưởng đơn vị tiến hành họp toàn bộ đơn vị để trao đổi, tham khảo ý kiến. Việc tổ chức họp trao đổi giải quyết vụ án này nhằm mục đích vừa tranh thủ lấy ý kiến của các cán bộ nhiều kinh nghiệm, chắc nghiệp vụ, vừa là một hình thức để phổ biến cho các đồng chí khác trong đơn vị cùng nắm được để giải quyết những trường hợp tương tự. Ngoài ra, thường xuyên tổ chức lớp tập huấn nghiệp vụ chuyên sâu về lĩnh vực hình sự, tố tụng hình sự cho đội ngũ Thẩm phán của ngành mình, nhằm đào tạo, bồi dưỡng và cập nhật kịp thời các kiến thức mới, các phương thức, thủ đoạn, các hình thức phạm tội mới cho đội ngũ cán bộ này, cũng như hỗ trợ Tòa án địa phương tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án và Hội thẩm nhân dân theo yêu cầu của địa phương v.v...

*3.2.2.2. Nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo, điều hành, điều tra, xét xử của các đồng chí thủ trưởng đơn vị, điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán trong việc giải quyết án về tội cướp tài sản*

Trên cơ sở năng lực, trình độ và sở trường của từng cán bộ trong đơn vị, thủ trưởng đơn vị lựa chọn những Thẩm phán có năng lực, trình độ để phân công thụ lý những vụ án phức tạp, những vụ án có phương thức, thủ đoạn phạm tội mới. Tránh trường hợp phân công vụ án phức tạp cho các đồng chí cán bộ chưa có nhiều kinh nghiệm, dẫn đến tình trạng vượt quá khả năng giải quyết của đồng chí cán bộ đó. Hậu quả của việc phân công thụ lý vụ án không đúng năng lực, sở trường sẽ là khả năng dẫn đến việc oan sai cao; không định hướng được hướng định tội danh và quyết định hình phạt dẫn đến cơ quan xét xử phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung gây mất nhiều thời gian, công sức của cơ quan nhà nước và thậm chí gây khó khăn, vất vả cho chính đồng chí cán bộ thụ lý vụ án đó.

Các cơ quan tiến hành tố tụng cần phải làm rõ vai trò của từng bị cáo trong vụ án từ đó nhằm áp dụng pháp luật để quyết định hình phạt đúng nhất, nghiêm trị những bị cáo này nhằm răn đe, giáo dục người dân đối với loại tội phạm này. Tránh trường hợp áp dụng hình phạt nhẹ hơn so với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nhất là những vụ án có mang tính đồng phạm, có tổ chức.

*3.2.2.3. Xử lý nghiêm minh khi xét xử, vận dụng các tình tiết liên quan đến việc định tội danh và quyết định hình phạt cũng như việc xác định các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*

Xử lý nghiêm minh là một yêu cầu nhất quán và chính xác, muốn đạt được yêu cầu đó thì người làm công tác này phải có sự đánh giá một cách khách quan, toàn diện, thận trọng tất cả các tình tiết có liên quan. Các cơ quan truy tố, xét xử cần chú trọng tới việc xác định nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm và nhân thân người phạm tội cướp tài sản để kịp thời kiến nghị nhằm đưa ra định tội danh và quyết định hình phạt cho đúng đắn. Cần tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức cho HĐXX, đặc biệt là Thẩm phán, phải xác định tính nguy hiểm của loại tội phạm này để áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của phạm, tránh tình trạng áp dụng những tình tiết giảm nhẹ như: “*khắc phục hậu quả*”, “*thật thà khai báo*”... rồi cho bị cáo hưởng mức phạt quá nhẹ dẫn đến coi thường pháp luật và mục đích của hình phạt cũng không đạt được. Trong quá trình xét xử, Tòa án phải đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đặc biệt các đối tượng chủ mưu, cầm đầu, tái phạm cần phải có mức án phù hợp để giáo dục tội phạm. Những đối tượng phạm tội lần đầu, không nghiêm trọng, do bị rủ rê, kích động thì có thể chiếu cố khoan hồng.

*3.2.2.4. Nâng cao vai trò của nhân dân và công tác tuyên truyền pháp luật về tội cướp tài sản*

Theo đó phải tự ý thức cảnh giác trước hoạt động của tội phạm. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tội phạm tội cướp tài sản gây tổn hại cho người khác cần ngăn gọn, dễ hiểu, có ý nghĩa thiết thực với từng người và cần tập trung vào việc phổ biến những quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo quy định của Hiến pháp, và pháp luật.

*3.2.2.5. Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực về an ninh trật tự*

Phát huy được vai trò trong công tác quản lý nhà nước, khắc phục được những tình trạng xấu trong công tác quản lý nhà nước thì hoạt động phạm tội nói riêng và

tội cướp tài sản nói riêng mới được đẩy lùi. Xét riêng trên địa bàn Quảng Ngãi thời gian qua, các cấp, các ngành đã thường xuyên quan tâm đến công tác quản lý hành chính, quản lý trật tự xã hội trên địa bàn, kịp thời xử lý, trấn áp tội phạm, trong đó có tội cướp tài sản, bảo vệ tính mạng, sức khỏe và tài sản cho Nhà nước, cho công dân, giữ vững an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Ngoài ra, cùng nên hạn chế việc xét xử lưu động, vì hầu hết khi đưa vụ án ra xét xử lưu động thì mức hình phạt đối với tội phạm này sẽ cao hơn so với xét xử tại hội trường Tòa án. Vì khi đưa vụ án ra xét xử lưu động nhằm mục đích chính là răn đe, giáo dục người dân đối với loại tội phạm này. Tuy nhiên kết quả trong những năm qua cho thấy việc xét xử lưu động chưa đem lại hiệu quả cao, tội phạm này vẫn ngày càng cao và tính chất mức độ nguy hiểm ngày càng tăng. Bên cạnh đó, kinh phí để đưa vụ án ra xét xử lưu động cao hơn so với kinh phí xét xử tại hội trường Tòa án, người phạm tội cướp tài sản sau khi chấp hành hình phạt quay về hòa nhập cộng đồng không được xã hội quan tâm nên dễ dẫn đến tái phạm.

### ***3.2.3. Giải pháp về công tác tổ chức cán bộ***

Ở tỉnh Quảng Ngãi, để khắc phục các thiếu sót, TAND tỉnh đã đưa ra một số giải pháp về công tác tổ chức, cán bộ và những công tác khác nâng cao chất lượng xét xử như sau: Kiện toàn về tổ chức, tăng cường hơn nữa công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức Tòa án trong sạch, vững mạnh, bảo đảm phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị, năng lực công tác, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nhất là đối với Thẩm phán để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới; Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho Thẩm phán, cán bộ TAND hai cấp; Đổi mới, tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, đôn đốc việc xét xử, kịp thời phát hiện, uốn nắn, rút kinh nghiệm những sai sót về nghiệp vụ trong quá trình giải quyết, xét xử các vụ án; Hạn chế tới mức thấp nhất việc trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung không đúng quy định của pháp luật; v.v...

#### ***3.2.3.1. Xây dựng kế hoạch, nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ***

Theo đó, bảo đảm trong mỗi đơn vị luôn đan xen đội ngũ cán bộ của ba thế hệ, để các cán bộ lâu năm, nhiều kinh nghiệm hướng dẫn, dìu dắt và truyền đạt những



kiến thức thực tiễn cho lớp kế cận. Bởi các vụ án cướp tài sản thường là những vụ án phức tạp, đông bị can, bị can thường là những đối tượng lưu manh chuyên nghiệp, nhiều tiền án tiền sự, lì lợm và khôn ngoan, nếu cán bộ không có kiến thức nghiệp vụ, không có kinh nghiệm, phương pháp thì rất khó khăn trong việc đấu tranh, giải quyết vụ án. Hạn chế việc luân chuyển, điều động cán bộ đến những vị trí không đúng sở trường hoặc khi cán bộ vừa quen việc lại luân chuyển, điều động đến vị trí khác, dẫn đến tình trạng cán bộ liên tục phải đi học việc. Như vậy, chất lượng, hiệu quả công việc sẽ không cao, không đào tạo được cán bộ chuyên sâu, tinh nhuệ trong những lĩnh vực cụ thể; v.v...

### *3.2.3.2. Khẩn trương tuyển dụng và tuyển chọn đủ biên chế cán bộ, Thẩm phán Tòa án các cấp*

Khẩn trương tuyển dụng và tuyển chọn đủ biên chế cán bộ, Thẩm phán Tòa án các cấp theo hướng: đối với những nơi vùng sâu, vùng xa, miền núi có khó khăn về nguồn cán bộ tuyển dụng thì phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương để có những giải pháp thu hút cán bộ, sinh viên tốt nghiệp cử nhân luật đến công tác tại những địa phương này; mở rộng nguồn bổ nhiệm Thẩm phán trên cơ sở quy định của pháp luật hiện hành. Bảo đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ về tiền lương, chế độ phụ cấp và ban hành các chính sách ưu đãi khác đối với Thẩm phán và cán bộ, công chức Tòa án cho phù hợp với đặc thù công tác của ngành, tạo điều kiện nâng cao đời sống cho cán bộ, công chức, giúp ngành Tòa án có cơ chế thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao vào công tác.

## **Kết luận chương 3**

Trên cơ sở những yêu cầu cấp bách, những căn cứ về thực tiễn áp dụng quy định về tội cướp tài sản tại tỉnh Quảng Ngãi thời gian qua, luận văn đã đề ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng quy định về tội cướp tài sản như: Sự cần thiết của việc nâng cao hiệu quả áp dụng tội cướp tài sản; Các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng tội cướp tài sản trong đó cần nêu lên ba giải pháp chính như: Giải pháp về pháp luật, Giải pháp tổng kết thực tiễn áp dụng tội cướp tài sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Giải pháp về công tác tổ chức cán bộ.

## KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu dưới góc độ khoa học pháp lý hình sự về tội cướp tài sản từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi, bước đầu luận văn đã cố gắng làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận và thực tiễn về định tội danh và quyết định hình phạt từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi. Kết quả mà chúng tôi đạt được cho phép đi đến một số kết luận chung sau đây:

Hoạt động định tội danh quyết định hình phạt của tội cướp tài sản từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi theo quy định của BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), có thể đưa ra khái niệm về tội cướp tài sản, đó là hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác. Về dấu hiệu pháp lý của tội cướp tài sản, khách thể của tội cướp tài sản là quan hệ sở hữu tài sản và quan hệ nhân thân, ngoài ra còn có thể là quan hệ xã hội liên quan đến trật tự an toàn xã hội trong trường hợp cướp tài sản mà tài sản đó không thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chủ tài sản. Tội cướp tài sản xâm phạm tới khách thể thông qua việc tác động đến tài sản là đối tượng tác động của tội phạm làm biến đổi tình trạng bình thường của tài sản, thể hiện dưới dạng tài sản bị chiếm đoạt, nhưng tài sản để trở thành đối tượng tác động của tội cướp tài sản phải có những đặc điểm nhất định: Tài sản đó phải là tài sản của người khác đang có sự quản lý, được thể hiện dưới dạng vật chất cụ thể có giá trị và giá trị sử dụng; Nó phải tồn tại dưới dạng một động sản theo quy định của pháp luật dân sự. Về hành vi khách quan của tội cướp tài sản, đó là hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, hành vi này chỉ đòi hỏi đối với chủ tài sản. Lỗi của người phạm tội cướp tài sản là lỗi cố ý trực tiếp, người phạm tội biết rõ tài sản là của người khác nhưng vẫn chiếm đoạt nhằm biến nó thành tài sản của mình.

Từ thực tiễn của các cơ quan THTT trong hoạt động giải quyết các vụ án cướp tài sản thì hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt là những hoạt động rất quan trọng trong việc xác định một người có phải chịu TNHS cho hành vi của mình

gây ra hay không, do vậy hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt đối tội cướp tài sản là một quá trình nhận thức lý luận có tính lôgic, đồng thời là một trong những dạng của hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự, nhằm xác định sự phù hợp giữa các dấu hiệu của những hành vi xâm phạm sở hữu đã được thực hiện với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm xâm phạm sở hữu tương ứng do luật Hình sự quy định. Sau đó, do Tòa án có thẩm quyền (HĐXX) thực hiện sau khi đã định tội danh và tùy thuộc vào từng trường hợp để quyết định khung hình phạt, loại hình phạt, mức hình phạt cụ thể trong phạm vi giới hạn của khung hình phạt do luật định áp dụng cho chính cá nhân người phạm tội, phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội.

Từ thực tiễn hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội cướp tài sản tại tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian qua cho thấy công tác giải quyết, xét xử các loại vụ án luôn được các cấp tòa án quan tâm chú trọng. Thực tế là số vụ án bị huỷ, bị cải sửa theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm là không nhiều, chủ yếu là cải sửa theo hướng giảm nhẹ hình phạt do áp dụng thêm một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự hoặc do HĐXX đánh giá mức độ, tính chất, hậu quả của hành vi mà xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Điều này cho thấy sự nỗ lực rất lớn từ phía các cơ quan tố tụng địa phương trong việc khắc phục những điều kiện, hoàn cảnh khác nhau, đề ra những đường lối xử lý phù hợp, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn xét xử.

Qua quá trình nghiên cứu, tuy nhận ra được những hạn chế nhất định trong quy định của pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành, trong quá trình lập pháp, quá trình áp dụng thực tế trong xét xử, những bất cập về áp dụng pháp luật... Thông qua đó, tìm ra những giải pháp, hướng hoàn thiện cho điều luật cũng như những quy định của pháp luật hình sự Việt Nam. Nhưng do trình độ còn nhiều hạn chế, tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu đề tài không nhiều ... Do vậy, việc nghiên cứu còn nhiều điểm chưa thật sự chặt chẽ, có thể có những thiếu sót là điều khó tránh khỏi mong được sự đóng góp ý kiến thêm từ các quý thầy cô./

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Th.S Mai Bộ (1999), “Thế nào là tội danh nặng hơn, nhẹ hơn”, *Tạp chí TAND số 07*.
2. Nguyễn Ngọc Chí (2000), *Trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu*, Luận văn tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
3. TS. Lê Cẩm (1999), “Định tội danh – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”, *Tạp chí TAND*, số 8.
4. Bộ chính trị (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 Về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
5. Bộ chính trị (2005), *Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, tr.250, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội.
7. Chính phủ (2000), *Nghị định 60/2000/NĐ-CP ngày 30.10.2000*
8. Chính phủ (2005), *Nghị định 26/2005/NĐ-CP ngày 30.10.2000*
9. Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (2000), Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.
10. PGS.TS Nguyễn Ngọc Hòa (1993), “Quyết định hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam” , *Tạp chí TAND*, số 1.
11. PGS.TS Nguyễn Ngọc Hòa (2000), *Trách nhiệm hình sự và hình phạt* , NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
12. PGS.TS Nguyễn Ngọc Hòa (2004), *Cấu thành tội phạm –Lý luận và thực tiễn*, NXB tư pháp, Hà Nội.
13. Hội đồng thẩm phán của TANDTC (1988), *Nghị quyết 02/HĐTP ngày 16.11.1988*.
14. Hội đồng thẩm phán TANDTC (2000), *Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04.08.2000*.
15. Hội đồng thẩm phán TANDTC (2006), *Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/05/2006 hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS*.

16. Th.S Lê Văn Luật (2002), *Bàn về định tội danh đối với một số tội xâm phạm sở hữu*, TAND Huyện Hướng Hóa, Quảng Trị.
17. TS. Dương Tuyết Miên (2004), *Định tội danh và quyết định hình phạt*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
18. Quốc Hội (2005), *Bộ Luật Dân sự Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*.
19. Quốc Hội (1985,1999, 2015), *Bộ Luật Hình sự Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*.
20. Quốc hội (2003), *Luật tố tụng hình sự*.
21. Quốc Hội (2014), *Luật tổ chức Tòa án nhân dân*.
22. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*.
23. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (2010), *Đại Từ điển tiếng Việt*, tr.436, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
24. Đinh Văn Quế (2002), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự*, tập 2 (2002), Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh.
25. Đinh Văn Quế (2005), “Một số vấn đề về quyết định hình phạt quy định trong Bộ luật hình sự năm 1999”, *Tạp chí TAND*, số 16.
26. Đinh Văn Quế (2006), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự, phần các tội phạm, tập II: Các tội xâm phạm sở hữu*, NXB tổng hợp TP.Hồ Chí Minh.
27. TS Cao Thị Oanh (2007), “Hoàn thiện những quy định về trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội” – Đại học luật Hà Nội, *Tạp chí Luật học* 10/2007.
28. Pháp luật hình sự (2005), *Thực tiễn xét xử và án lệ*, NXB Lao động xã hội, Hà Nội.
29. Pháp lệnh số 149 – LCT ngày 21/10/1970 trừng trị các tội phạm tài sản Xã hội Chủ nghĩa.
30. Pháp lệnh số 44/2002/PL-UBTVQH10 về xử lý Vi phạm hành chính năm 2002 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
31. Trần Thị Phuong (2011), *Định tội danh đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu tại tỉnh Bình Định giai đoạn 2006-2010*, Luận văn Thạc sĩ.

32. Sắc lệnh số 47- SL ngày 10.10.1946 của Chủ tịch Hồ Chí Minh tạm thời giữ lại các luật lệ tại miền Bắc, Trung, Nam Bộ cho đến khi ban hành các văn bản pháp luật thống nhất trong toàn quốc.
33. Sắc lệnh số 12 ngày 12.3.1949 quy định trừng trị các hành vi trộm cắp vật dụng nhà binh trong thời bình và thời chiến tranh.
34. Sắc lệnh số 267 ngày 15.6.1958 trừng trị những âm mưu và hành động phá hoại tài sản của Nhà nước, của hợp tác xã và của nhân dân, làm cản trở việc thực hiện chính sách kế hoạch của Nhà nước về xây dựng kinh tế và văn hóa.
35. Hồ Sĩ Sơn (2007), *Nguyên tắc nhân đạo trong Luật hình sự Việt Nam*. Tóm tắt Luận án Tiến sĩ luật học, Viện nhà nước và pháp luật, Hà Nội.
36. Tòa án nhân dân tối cao (1975), *Tập hợp hóa luật về Hình sự*, Hà Nội.
37. Th.S. Chu Thị Vân Trang (2005), *Tìm hiểu việc định tội danh và Quyết định hình phạt từ phương diện là những hoạt động áp dụng pháp luật hình sự cơ bản của Tòa án*, Giảng viên khoa Luật, Đại học Quốc gia.
38. Trịnh Việt Tiến (2007), “Về khái niệm miễn trách nhiệm hình sự”, *Tạp chí khoa học ĐHQGHN*, Kinh tế - Luật 23.
39. Thông tư số 02/2001 ngày 25.12.2001 của Tòa án nhân dân tối cao –Viện kiểm sát nhân dân tối cao –Bộ công an –Bộ tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XIV “ Các tội phạm xâm phạm sở hữu” của Bộ luật hình sự 1999.
40. Từ điển bách khoa Công an nhân dân (2000), NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
41. Từ điển pháp luật hình sự (2006), NXB Tư pháp, Hà Nội.
42. Từ điển Tiếng Việt (2000), NXB Đà Nẵng.
43. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ( 2011; 2012; 2013, 2014 và 2015), *Báo cáo công tác ngành Tòa án tỉnh Quảng Ngãi*.
44. Nguyễn Văn Trọng (2009), *Trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu có giá trị tài sản bị xâm phạm dưới mức tối thiểu*.
45. Trường Đại học Luật Hà Nội (2000), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam –Phần tội phạm*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

46. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2005), *Tổng tập văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội*, tập 1, NXB Tư pháp.
47. GS.TSKH Đào Trí Úc (chủ biên) (1996), *Quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Tội phạm học, Luật hình sự; Luật TTHS, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
48. PGS.TS Võ Khánh Vinh (1993), “Nguyên tắc các thể hóa việc quyết định hình phạt”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 08.
49. GS.TS Võ Khánh Vinh (2003), “Thay đổi định tội danh: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 12/2003.
50. PGS.TS Võ Khánh Vinh (1996), *Nguyên tắc công bằng trong Luật hình sự Việt Nam*, Luận án Phó Tiến sĩ.
51. PGS.TS Võ Khánh Vinh, *Quyết định hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam*, Tội phạm học, Luật hình sự, Luật TTHS, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
52. GS.TS Võ Khánh Vinh, (2011), *Giáo trình Tội phạm học*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
53. GS.TS Võ Khánh Vinh, (2013), *Giáo trình về Lý luận chung về định tội danh*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
54. GS.TS Võ Khánh Vinh, (2013), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam –Phần các tội phạm*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
55. Viện nghiên cứu khoa học pháp lý (1999), *Bình luận khoa học tổ tụng hình sự*.